

Phụ lục IV

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

Trường: THPT Hoàng Cầu

Tổ: Xã hội

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Lan Phương

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

Bài 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ (T1)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

- Giúp HS làm quen với lịch sử với tư cách là một môn khoa học thực sự, rất cần thiết và hữu ích cho cuộc sống con người. Là một khoa học, sử học có đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu riêng và có chức năng nhiệm vụ quan trọng trong đời sống con người.
- HS khắc phục những sai lầm, nhất là cách tư duy một chiều về lịch sử, coi lịch sử là môn học thuộc lòng những kiến thức có sẵn, không cần khám phá gì thêm và cũng không vận dụng được gì trong cuộc sống. Qua đó giúp HS phát triển toàn diện ba nhóm năng lực cơ bản của môn học, bao gồm năng lực tìm hiểu, năng lực nhận thức, tư duy lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trên cơ sở những kiến thức cơ bản, gần gũi hữu ích.
- Giúp HS phát triển những phẩm chất cốt lõi như: trung thực, khách quan, trách nhiệm, chăm chỉ và sáng tạo trong cuộc sống.

1. Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể.
- Giải thích được khái niệm Sử học.
- Nêu được chức năng nhiệm vụ và một số nguyên tắc cơ bản của Sử học
- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể (ở mức độ đơn giản)

Phân biệt được các nguồn sử liệu, biết cách sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến

bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế học HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Đây là sự kiện Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem một đoạn video về sự kiện Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Xem video và cho biết sự kiện lịch sử nào đang được nhắc tới trong video?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại, diễn ra một lần và không lặp lại. Lịch sử được hậu thế nhận thức dựa vào những mảnh vỡ của sự kiện (Tức sử liệu) và bị chi phối bởi quan điểm chủ quan của con người. Vậy làm thế nào để tiếp cận lịch sử một cách khách quan, trung thực gần với sự thật nhất? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta cùng tìm hiểu vào bài học hôm nay.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Lịch sử, hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

a. Mục tiêu: Học sinh trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: Khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:

? Lịch sử là gì?

? Hiện thực lịch sử là gì?

? Nhận thức lịch sử là gì?

- GV đưa ra cho HS một số bài tập ví dụ để HS xác định Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV lấy ví dụ cho HS về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

+ Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 là Hiện thực lịch sử

+Câu chuyện Con ngựa thành Tro-roi là Nhận thức lịch sử

- Bài tập xác định hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử:

+ Sự kiện 1: Tại nơi đây, ngày 27/4/1521 La-pu-la-pu và người dân địa phương đã đẩy lùi quân xâm lược Tây Ban Nha và giết chết tên chỉ huy Ma-gien-lăng. Do đó, La-pu-la-pu đã trở thành người Phi-lip-pin đầu tiên đánh đuổi được quân xâm lược Châu Âu. (Bia tưởng niệm thủ lĩnh La-pu-la-pu) → Nhận thức lịch sử

+ Sự kiện 2: Di tích bãi cọc Bạch Đằng → Hiện thực lịch sử

+ Sự kiện 3: Mũi tên bằng Đồng tìm thấy ở Cổ Loa (1959) → Hiện thực lịch sử

+ Sự kiện 4: Chuyện nỏ thần → Nhận thức lịch sử

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Lịch sử, hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

- Lịch sử: là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ. Lịch sử loài người là toàn bộ hoạt động của con người từ khi xuất hiện tới nay.

- Hiện thực lịch sử: Là toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại 1 cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người (người nhận thức)

- Nhận thức lịch sử: Là toàn bộ những tri thức, hiểu biết, những ý niệm và hình dung của con người về quá khứ (nhận thức về sự việc đã xảy ra).

Hoạt động 2. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của Sử học

a. Mục tiêu: Học sinh giải thích được khái niệm sử học; trình bày được đối tượng nghiên cứu của Sử học thông qua ví dụ cụ thể; nêu được chức năng, nhiệm vụ và một số nguyên tắc cơ bản của Sử học.

- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể (ở mức độ đơn giản)

- HS phân biệt được các nguồn sử liệu; biết cách sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Sử học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

+ Nhóm 1: Khái niệm, đối tượng của Sử học

+Nhóm 2: Chức năng của Sử học

+Nhóm 3: Nhiệm vụ của Sử học

+Nhóm 4: Nguyên tắc cơ bản của Sử học

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của Sử học.

a. Đối tượng nghiên cứu của Sử học

-Đối tượng nghiên cứu của Sử học rất đa dạng và mang tính toàn diện gồm toàn bộ những hoạt động của con người trong quá khứ diễn ra trên mọi lĩnh vực.

b. Chức năng, nhiệm vụ của Sử học

- Là khôi phục hiện thực lịch sử thật chính xác và khách quan.

- Phục vụ cuộc sống của con người hiện tại thông qua những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ quá khứ.

c. Nguyên tắc cơ bản của Sử học

- Khách quan, trung thực, tiến bộ

GV bổ sung

- Khái niệm, đối tượng của Sử học

+ *Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ loài người*

+ **Đối tượng:** *Sử học chính là toàn bộ quá khứ của loài người. Đó có thể là quá khứ của một cá nhân, một nhóm, cộng đồng người, hay một quốc gia, khu vực hoặc toàn thể nhân loại.*

- Chức năng của Sử học:

+ *Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ.*

+ *Giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức. Rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống và hiện tại.*

- Nhiệm vụ của Sử học

+ *Nhận thức:* Cung cấp tri thức khoa học giúp con người tìm hiểu, khám phá hiện thực lịch sử một cách khách quan.

+ *Giáo dục:* Góp phần truyền bá những giá trị và truyền thống tốt đẹp trong lịch sử cho thế hệ sau.

+ *Dự báo:* Thông qua việc tổng kết thực tiễn rút ra bài học kinh nghiệm...góp phần dự báo về tương lai của đất nước, nhân loại.

- Nguyên tắc cơ bản của Sử học

+ *Khách quan:* Là nguyên tắc quan trọng nhất. Tái hiện hiện thực lịch sử. Dựa trên các nguồn sử liệu, nhà sử học khôi phục lại hiện thực lịch sử một cách khách qua, không nhìn nhận phiến diện, một chiều

+ *Trung thực:* Tôn trọng sự thật lịch sử và tái hiện nó một cách chân thực vừa trên những sử liệu đáng tin cậy, không xuyên tạc sự thật lịch sử

+ *Tiến bộ:* Từ thấu hiểu quá khứ, sử học hướng đến phục vụ cuộc sống con người, góp phần xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ

3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi “Tây Du Kí”. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Tây Du Kí” và phổ biến luật chơi cho HS: Trong rừng có rất nhiều yêu quái xuất hiện để cản đường thầy trò Đường Tăng đi lấy kinh, em hãy giúp thầy trò Đường Tăng bằng cách vượt qua các câu hỏi của yêu quái.

Câu hỏi 1: : Hiện thực lịch sử là gì?

A. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ

B. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ của loài người

C. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ mà con người nhận thức được.

D Là khoa học tìm hiểu về quá khứ

Câu hỏi 2: Nhận thức lịch sử là gì?

- A. Là những mô tả của con người về quá khứ đã qua
- B. Là những công trình nghiên cứu lịch sử
- C. Là những hiểu biết của con người về quá khứ, được tái hiện hoặc trình bày theo những cách khác nhau
- D. Là những lễ hội lịch sử văn hóa được phục dựng

Câu hỏi 3: Ý nào sau đây KHÔNG phản ánh đúng nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu lịch sử?

- A. Tiến bộ
- B. Vì người lao động
- C. Trung thực
- D. Khách quan

Câu hỏi 4: Ý nào sau đây KHÔNG phải là đối tượng nghiên cứu của Sử học

- A. Quá khứ của toàn thể nhân loại
- B. Quá khứ của một quốc gia hoặc khu vực trên thế giới
- C. Quá khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người
- D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ

Câu hỏi 5: So với hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử có đặc điểm gì?

- A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử
- B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử
- C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử
- D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	D	B

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS : Tìm kiếm thông tin để tái hiện và khôi phục lại sự kiện chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 bằng 1 đoạn văn ngắn từ 7-10 dòng.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

Bài 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ (T2)

I. MỤC TIÊU

- Giúp HS làm quen với lịch sử với tư cách là một môn khoa học thực sự, rất cần thiết và hữu ích cho cuộc sống con người. Là một khoa học, sử học có đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu riêng và có chức năng nhiệm vụ quan trọng trong đời sống con người.

- HS khắc phục những sai lầm, nhất là cách tư duy một chiều về lịch sử, coi lịch sử là môn học thuộc lòng những kiến thức có sẵn, không cần khám phá gì thêm và cũng không vận dụng được gì trong cuộc sống. Qua đó giúp HS phát triển toàn diện ba nhóm năng lực cơ bản của môn học, bao gồm năng lực tìm hiểu, năng lực nhận thức, tư duy lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trên cơ sở những kiến thức cơ bản, gần gũi hữu ích.

- Giúp HS phát triển những phẩm chất cốt lõi như: trung thực, khách quan, trách nhiệm, chăm chỉ và sáng tạo trong cuộc sống.

1. Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể.

- Giải thích được khái niệm Sử học.
- Nêu được chức năng nhiệm vụ và một số nguyên tắc cơ bản của Sử học
- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể (ở mức độ đơn giản)

Phân biệt được các nguồn sử liệu, biết cách sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. Tiến trình dạy - học:

1. Hoạt động khởi động

- Mục tiêu:** Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm
- Nội dung:** Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

Bạn có tin trên thế giới này từng tồn tại 1 loài sinh vật to lớn được gọi là: Khủng Long? Vì sao bạn lại tin???

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Các nguồn sử liệu và một số phương pháp tiếp cận

a. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm nguồn sử liệu và các phương pháp tiếp cận nguồn sử liệu.

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Các nguồn sử liệu

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Em hãy nêu khái niệm và những nguồn sử liệu cơ bản?

GV chia HS thành 4 nhóm thảo luận

? Em hãy nêu khái niệm và lấy 2 ví dụ về các loại hình sử liệu cơ bản mà nhóm trình bày?

+ Nhóm 1: Lời nói truyền khẩu

+ Nhóm 2: Hiện vật

+ Nhóm 3: Hình ảnh

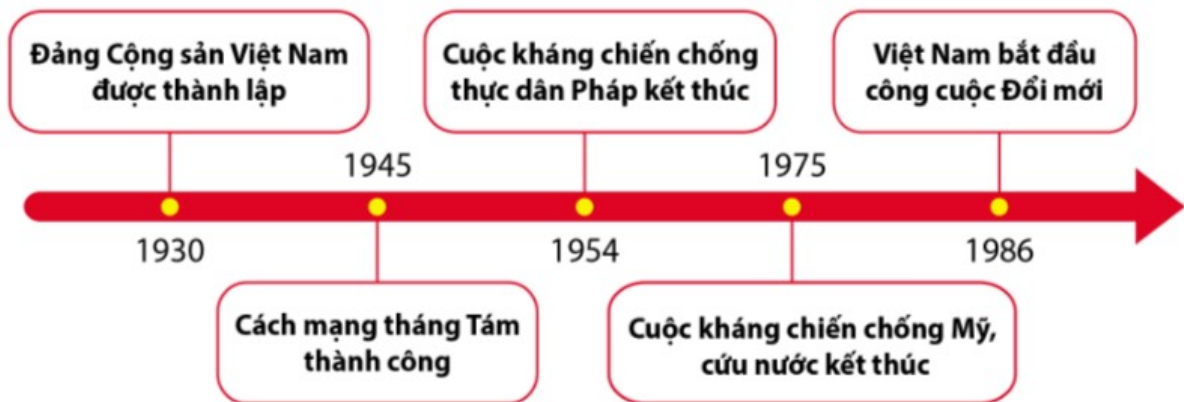
+ Nhóm 4: Thành văn

Nhiệm vụ 2: Một số phương pháp cơ bản của Sử học

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Em hãy liệt kê và nêu 1 số phương pháp cơ bản của Sử học?

? Sơ đồ 1.3 phản ánh phương pháp tiếp cận nào?



Sơ đồ 1.3. Các sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam trong thế kỉ XX

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trình bày sản phẩm học tập

- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Các nguồn sử liệu và một số phương pháp tiếp cận

a. Các nguồn sử liệu:

- Khái niệm: Nguồn sử liệu là tất cả thông tin về hoạt động của con người trong quá khứ được lưu giữ ở nhiều dạng khác nhau.

- Các nguồn sử liệu

+ Chia làm 2 nguồn sử liệu cơ bản: Sử liệu sơ cấp và sử liệu thứ cấp

+ Căn cứ vào hình thức tồn tại, sử liệu được chia làm bốn loại cơ bản.

b. Một số phương pháp cơ bản của Sử học

- Phương pháp trình bày
- Phương pháp nghiên cứu
- Phương pháp tiếp cận

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Tham gia trò chơi câu cá

Câu 1: Truyền thuyết Thánh Gióng thuộc loại tư liệu nào?

- A. Tư liệu truyền miệng
- B. Tư liệu gốc
- C. Cả hai câu a và b đều đúng
- D. Cả hai câu a và b đều sai

Câu 2: Những tấm bia ghi tên nhưng xnguwif đồ tiến sĩ thời xưa ở văn miếu thuộc loại tư liệu nào?

- A. Tư liệu hiện vật
- B. Tư liệu chữ viết
- C. Tư liệu truyền miệng
- D. Tư liệu gốc

Câu 3: Những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết; vở chép tay,... từ quá khứ được lưu lại đến ngày nay là loại tư liệu nào?

- A. Tư liệu hiện vật
- B. Tư liệu truyền miệng
- C. Nông nghiệp
- D. Tư liệu gốc

Câu 4: Đâu là tư liệu hiện vật

- A. Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- B. Văn bia tiến sĩ
- C. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.
- D. Trống đồng Đông Sơn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	A	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Hãy liệt kê nơi em sinh sống có những tư liệu lịch sử cụ thể nào giúp em tìm hiểu về những gì xảy ra trong quá khứ?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY: BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể

- Gi ải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Tái hiện kiến thức, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tế

+ Rèn luyện kỹ năng: Sưu tầm và sử dụng tư liệu trong học tập lịch sử, kỹ năng giải thích phân tích sự kiện vấn đề lịch sử

+ Biết phân tích so sánh các sự kiện, liên hệ kiến thức đang học với thực tế cuộc sống

3. Thái độ

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có ý thức trân trọng lịch sử - văn hóa dân tộc và thế giới, chăm chỉ tìm tòi khám phá lịch sử.

- Đề cao khả năng lao động sáng tạo, nhân dân thực sự trở thành chủ nhân của những thành tựu to lớn về kỹ thuật sản xuất của nhân loại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV

- Thiết kế giáo án theo định hướng phát triển năng lực, slide bài giảng điện tử, bảng thông minh.

2. HS: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. Tiến trình lên lớp

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV tổ chức trò chơi Hộp quà bí mật. HS sẽ nhận được 1 phần quà khi trả lời đúng câu hỏi

Câu 1: Nơi diễn ra ba trận thủy chiến quan trọng thời: Ngô, Tiền Lê, Trần (12 ô chữ).

Câu 2: Tên hai trận quyết chiến lược trong khởi nghĩa Lam Sơn? (17 ô chữ).

Câu 3: Tuyến phòng thủ quan trọng của nhà Lý trong trận chiến chống quân Tống xâm lược? (13 ô chữ).

Câu 4: Nguyễn Huệ đánh tan quân Xiêm trong trận đánh lịch sử nào? (14 ô chữ).

Câu 5: Chiến thắng lịch sử của Việt Nam buộc Pháp ký hiệp định Giơnevơ (11 ô chữ).

? Theo các em cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao nếu như chúng ta không có chút hiểu biết gì về việc trong quá khứ ông bà, tổ tiên,... đã sinh sống, lao động như thế nào để xây dựng nên gia đình, dòng tộc, quốc gia dân tộc như ngày nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Sông bạch Đằng

Câu 2: Chi lăng Xương Giang

Câu 3: Sông Như nguyệt

Câu 4: Rạch Gầm Xoài Mút

Câu 5: Điện Biên Phủ

Lịch sử và cuộc sống là một quá trình phát triển mà hiện tại bắt đầu từ sự kế thừa, phát triển quá khứ và chuẩn bị cho tương lai. Lịch sử giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Nhưng làm thế nào để khám phá lịch sử và tại sao phải học lịch sử suốt đời? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta cùng tìm hiểu vào bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Nhiệm vụ 1: Vai trò

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Quan sát các tư liệu dưới đây và cho biết vai trò của tri thức lịch sử?

? Theo em quá khứ có mối quan hệ như thế nào với hiện tại và tương lai? Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào?

Nhiệm vụ 2: Ý nghĩa

HS đọc SGK thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Em có suy nghĩ gì về các câu nói sau: Một dân tộc mà không có kiến thức về lịch sử, nguồn gốc và văn hóa về dân tộc mình thì cũng giống như cây không có gốc” (Mác-cốt Ga-vây)

? Theo em, tri thức lịch sử có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?

? Theo em, chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự đoán như thế nào về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong di chúc của mình?

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. “Còn non, còn nước, còn người

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

1. Vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử

- Vai trò

- + Trang bị những hiểu biết về quá khứ cho cá nhân và xã hội.
- + Góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa của các cộng đồng.
- + Là cơ sở để các cộng đồng cùng chung sống và phát triển bền vững.

- Ý nghĩa

- Giúp con người nhận thức sâu sắc về cội nguồn, về bản sắc của cá nhân và cộng đồng trong mọi thời đại.
- Giúp con người có thể đúc kết và vận dụng thành công nhiều bài học kinh nghiệm trong cuộc sống.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho HS làm việc cặp đôi, trả lời câu hỏi sau

Câu 1: Ý nào sau đây KHÔNG phản ánh đúng vai trò của tri thức lịch sử?

A. Cung cấp những tri thức về sự phát triển của sinh giới

B. Cung cấp những thông tin về quá khứ để hiểu về cội nguồn của gia đình, dân tộc, nhân loại...

C. Góp phần lưu truyền tạo nên yếu tố cốt lõi của ý thức dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc.

D. Hiểu quá khứ để lí giải những vấn đề xảy ra trong hiện tại và dự đoán tương lai

Câu 2: Điềm chung trong nội dung phản ánh của hai đoạn trích dẫn là gì?

“Sử để ghi việc mà việc hay hoặc dở đều dung làm gương răn cho đời sau” (Ngô Sĩ Liên) “Dân ta phải biết sử ta Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” (Hồ Chí Minh)

A. Sử được dung làm gương răn dạy đời sau

B. Người Việt Nam cần phải hiểu biết về lịch sử Việt Nam

C. Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống

D. Người Việt Nam cần phải tường tận về gốc tích của mình

Câu 3 Câu 3: Đọc sử liệu và cho biết Trần Hưng Đạo đã tìm hiểu và kế thừa những sử liệu nào để làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

“Miếu Vua bà đặt cạnh đền thờ Trần Hưng Đạo bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

Theo các cụ quản lý di tích miếu Vua Bà kể lại: Xưa kia có bà bán hàng nước bên gốc cây Quếch cổ thụ. Trước khi trận chiến Bạch Đằng xảy ra, Trần Hưng Đạo đã đi thị sát vùng cửa sông Bạch Đằng và đã hỏi bà hàng nước về con nước thủy triều lên xuống. Bà hàng nước đã cung cấp tỷ mỉ về lịch con nước lên xuống góp phần tạo chiến thắng lẫy lừng năm 1288. Sau khi thắng giặc, Trần Hưng Đạo đã quay lại tìm bà hàng nước nhưng không tìm thấy, liền phong bà làm Quốc mẫu vua bà và lập miếu thờ bên cạnh cây Quếch cổ thụ.”

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	B	A	B	B

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Hãy kể 1 số tri thức lịch sử, bài học lịch sử em tiếp nhận trong quá trình học tập môn Lịch sử được em vận dụng vào thực tiễn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS nghe bài hát: Nhớ về cội nguồn (Hồ Tuấn) hỏi HS:

? Bài hát đề cập đến vấn đề gì? Em hiểu thế nào là cội nguồn?

? Vì sao con người có nhu cầu tìm hiểu về bản thân và xã hội?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức**Hoạt động 1. Học tập và khám phá lịch sử suốt đời****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.*****Nhiệm vụ 1: Sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời***

Đọc thông tin và quan sát Bảng 2., hình 2.3 hãy giải thích vì sao phải học tập lịch sử suốt đời? Cho ví dụ.

? Quan sát các tư liệu dưới đây và cho biết vai trò của tri thức lịch sử?

? Theo em quá khứ có mối quan hệ như thế nào với hiện tại và tương lai? Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào?

Nhiệm vụ 2: Thu thập, xử lý thông tin và sử liệu để làm giàu tri thức lịch sử.

HS đọc SGK thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Trình bày khái niệm thu thập dữ liệu; xử lý thông tin và sử liệu? Cho ví dụ?

Nhiệm vụ 3: Kết nối tri thức, bài học lịch sử vào cuộc sống

HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập

Hãy kể một số tri thức lịch sử, bài học lịch sử em tiếp nhận trong quá trình học tập môn Lịch sử đã được em vận dụng vào thực tiễn

Bài	Tri thức, bài học lịch sử	Nội dung vận dụng vào thực tiễn
1	Bài học về lòng yêu nước và đại đoàn kết toàn dân tộc	Trong đại dịch covid vừa qua cả nước đã cùng đồng lòng thực hiện những biện pháp do Đảng và nhà nước đề ra để đẩy lùi đại dịch.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

2. Học tập và khám phá lịch sử suốt đời

a. Sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời

- Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng
- Tri thức về lịch sử biến đổi không ngừng và phát triển
- Việc học tập lịch sử suốt đời giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức

b. Thu thập, xử lý thông tin và sử liệu để làm giàu tri thức lịch sử.

- Thu thập dữ liệu là quá trình khảo sát, tìm kiếm, sưu tầm và tập hợp những thông tin liên quan đến đối tượng học tập và nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử.
- Xử lý thông tin và sử liệu: Là quá trình phân loại, đánh giá, thẩm định nguồn sử liệu đã thu thập được.

c. Kết nối tri thức, bài học lịch sử vào cuộc sống

- Sử dụng tri thức lịch sử, thông qua tri thức lịch sử giúp con người giải thích, hiểu rõ hơn những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế, những vấn đề thực tiễn cuộc sống hiện nay

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi Plants vs Zombies

Để diệt zombies các em sẽ phải vượt qua những câu hỏi sau

Câu 1: Ý nào sau đây **KHÔNG** phản ánh đúng lí do cần phải học tập lịch sử suốt đời?

- A . Lịch sử là môn khó, cần phải học suốt đời để hiểu được lịch sử
- B. Tri thức và kinh nghiệm từ quá khứ rất cần cho hiện tại và định hướng cho tương lai
- C. Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử vẫn chứa đựng nhiều điều bí ẩn cần phải tiếp tục tìm tòi khám phá
- D. Học tập và tìm tòi lịch sử giúp đưa lại nhưng cơ hội nghề nghiệp thú vị

Câu 2: Hình thức nào KHÔNG phù hợp với môn lịch sử

- A. Học trên lớp
- B. Xem phim tài liệu lịch sử
- C. Tham quan, điền dã
- D. Học trong phòng thí nghiệm

Câu 3 Bước đầu tiên trong quy trình thu thập, xử lý thông tin và sử liệu là:

- A. lập thư mục và danh mục các sử liệu cần thu thập
- B. Suu tầm, đọc và chép thông tin sử liệu
- C. Chọn lọc và phân loại sử liệu
- D. Xác minh, đánh giá về nguồn gốc sử liệu

Câu 4: Sử liệu đóng vai trò là cầu nối giữa:

- A. Khảo sát và tìm kiếm
- B. Hiện thức lịch sử và tri thức lịch sử
- C. Giữa phân loại và đánh giá
- D. Quá khứ và thực tại

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	D	A	B

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Liên hệ và cho biết một số truyền thống tốt đẹp được hình thành trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Các truyền thống đó được phát huy như thế nào trong bối cảnh đại dịch Covid 19?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Học bài, hoàn thành các bài tập

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC
Bài 3: SỬ HỌC VỚI CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC KHÁC

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

- Giải thích được Sử học là một môn khoa học có tính liên ngành.
- Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.
- Nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với nghiên cứu lịch sử
- Giải thích được sự hỗ trợ của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

2. Năng lực

- Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Tái hiện kiến thức, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tế
 - + Rèn luyện kỹ năng: Suu tầm và sử dụng tư liệu trong học tập lịch sử, kỹ năng giải thích phân tích sự kiện vấn đề lịch sử
 - + Biết phân tích so sánh các sự kiện, liên hệ kiến thức đang học với thực tế cuộc sống

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Thiết kế KHBD, slide bài giảng điện tử, bảng thông minh.
- Một số tư liệu có liên quan

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của GV

III. Tiến trình lên lớp

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:
+ *Sử học thuộc khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Sử học là khoa học ra đời sớm với đối tượng nghiên cứu rộng, có liên quan đến nhiều ngành khoa học khác. Các ngành khoa học càng phát triển càng có sự giao thoa lẫn nhau về tri thức của xã hội loài người. Vậy sử học và các khoa

học khác có mối quan hệ lẫn nhau như thế nào. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Sử học-môn khoa học mang tính liên ngành

a. Mục tiêu:

- Giải thích được Sử học là một môn khoa học có tính liên ngành.
- Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Quan sát sơ đồ sau và giải thích: Vì sao Sử học là môn khoa học mang tính chất liên ngành. Lấy ví dụ?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

1. Sử học - môn khoa học mang tính liên ngành

- Sử học là ngành khoa học có đối tượng nghiên cứu trong liên quan đến nhiều ngành khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.
- Để phục dựng được hoạt động của con người trong quá khứ sử học cần kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cũng như kết hợp khai thác tri thức của nhiều ngành khoa học có liên quan

Hoạt động 2: Mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn

- a. **Mục tiêu :** Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.
- b. **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. **Sản phẩm:** HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Quan sát những tư liệu sau đây và cho biết tên các ngành khoa học có liên quan?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

2. Mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn

a. Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn

- Lịch sử đời sống xã hội là chất liệu và nguồn cảm hứng đưa đến sự ra đời của các tác phẩm văn học, nghệ thuật... đồng thời cũng là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác

b. Các ngành khoa học xã hội và nhân văn với Sử học

- Những thông tin của các ngành khoa học xã hội và nhân văn hỗ trợ Sử học tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử một cách toàn diện hơn, cụ thể và chính xác hơn.
- Mối liên hệ giữa sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn là mối liên hệ gắn bó, tương hỗ...

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Tổ chức trò chơi Đá bóng Thông qua việc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm để đưa bóng vào gôn.

Câu 1: Sử học là môn khoa học có tính chất liên ngành vì:

- A. Đối tượng nghiên cứu đa dạng và toàn diện
- B. Phạm vi nghiên cứu nhỏ hẹp và phức tạp
- C. Lĩnh vực nghiên cứu đơn giản
- D. Đối tượng nghiên cứu hẹp và sâu

Câu 2: Việc sử dụng tri thức từ ngành khoa học khác nhau để nghiên cứu giúp Sử học giải quyết vấn đề một cách:

- A. Cụ thể và đơn giản
- B. Toàn diện và chính xác tuyệt đối
- C. Toàn diện, cụ thể và chính xác

D. Đơn giản và hiệu quả

Câu 3: Với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, Sử học KHÔNG có khả năng nào sau đây?

- A. Xử lý dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hiện đại
- B. Cung cấp thông tin về bối cảnh hình thành và phát triển
- C. Xác định rõ nhân tố tác động đến quá trình hình thành, phát triển
- D. Dự báo xu hướng vận động phát triển trong tương lai

Câu 4: Với các ngành khoa học xã hội và nhân văn, Sử học có khả năng

- A. Hợp nhất
- B. Nghiên cứu độc lập
- C. Hợp nhất từng ngành
- D. Liên kết

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	A	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

- + Phát vấn
- + Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Hãy xây dựng 1 bài giới thiệu về trường học/gia đình của em,...trong những năm gần đây (lưu ý: bài viết thể hiện việc vận dụng những thông tin, kiến thức, kĩ năng, phương pháp liên ngành).

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS xem 1 đoạn video về Lịch sử và sự hình thành máy tính, HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu cảm nhận của em về đoạn video trên*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ

a. Mục tiêu:

- Nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với nghiên cứu lịch sử

- Giải thích được sự hỗ trợ của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1,3: Sử học có vai trò như thế nào đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ? Lấy ví dụ.

+ Nhóm 2,4: Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ có vai trò quan trọng như thế nào đối với sử học? Lấy ví dụ.

Hoạt động cá nhân:

? Tại sao có môn Toán trên đời? Toán học ra đời và phát triển như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

3. Mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ

a. Sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ

- Nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.
- Cung cấp tri thức cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ vừa đưa đến những hiểu biết sâu rộng về lịch sử tri thức.
- Lịch sử các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ là 1 bộ phận và có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của các lĩnh vực khoa học này.

b. Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ với Sử học

- Khoa học tự nhiên và công nghệ có mối quan hệ tương hỗ với Sử học
- Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ có vai trò quan trọng đối với Sử học trong quá trình sưu tầm, tìm kiếm sử liệu, nghiên cứu, tìm hiểu, tái hiện lịch sử.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi Câu cá. Thông qua việc trả lời các câu hỏi để câu những chú cá.

Câu 1: Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?

- A. Địa lí học
- B. Khảo cổ học
- C. Địa chất học
- D. Sinh học

Câu 2: Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?

- A. Khảo cổ học
- B. Địa lí học
- C. Địa chất học
- D. . Sinh học



**Mộ táng thời Đông Sơn ở
Vườn Chuối**

Câu 3: Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?

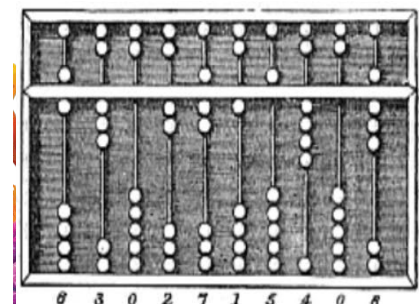
- A. Địa chất học
- B. Địa lí học
- C. Hóa học
- D. Sinh học



**Tiền xu thời
Minh Mạng**

Câu 4: Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?

- A. Địa chất học
- B. Địa lí học
- C. Sinh học
- D. Toán học



**Bàn tính của Trung
Quốc cổ đại**

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	A	C	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Thực hiện dự án học tập (theo nhóm) Ứng dụng công nghệ để xây dựng bài thuyết trình và thuyết trình về một vấn đề lịch sử mà nhóm chọn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

TÊN BÀI DẠY: BÀI 4

SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ HIỆN ĐẠI

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.
- Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.
- Trình bày được tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với việc quảng bá cho truyền thống lịch sử và giá trị văn hóa của dân tộc, tri thức lịch sử và văn hóa nhân loại.

- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể
- Phân tích được tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Biết vận động mọi người xung quanh tham gia bảo vệ các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có ý thức trân trọng và bảo vệ những di tích lịch sử - văn hóa, chăm chỉ tìm tòi, khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS xem đoạn video về Thánh địa Mỹ Sơn và trả lời câu hỏi

? Địa danh nào được tới trong đoạn video?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

- Tư sản giàu có, áp bức bóc lột giai cấp công nhân; Giai cấp công nhân phải làm thuê cho tư sản và bị bóc lột nặng nề

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Qua hàng nghìn năm lịch sử, Việt Nam đã tạo dựng được nhiều di sản có giá trị to lớn, nhiều di sản và di tích đã được phân loại, xếp hạng, nhiều di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được UNESCO ghi danh là di sản thế giới. Điều đó đặt ra nhiệm vụ gì cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản? Sử học đóng góp gì cho công tác này cũng như cho công nghiệp văn hóa và du lịch ngày nay. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Sử học với sự phát triển ngành Công nghiệp hóa

a. Mục tiêu: - Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

? Dựa vào bảng 4 và những hiểu biết cá nhân, em hãy cho biết vai trò của Sử học đối với lĩnh vực công nghiệp văn hóa? Lấy ví dụ.

Bảng 4. Mối quan hệ giữa Sử học với sự phát triển ngành Công nghiệp văn hoá

SỬ HỌC ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ	NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ ĐỐI VỚI SỬ HỌC
• Cung cấp những tri thức liên quan đến ngành (về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi; về vị trí, vai trò của ngành trong đời sống xã hội;...). • Hình thành ý tưởng và nguồn cảm hứng cho ngành Công nghiệp văn hoá (để tài phim ảnh, các loại hình giải trí, thời trang,... gắn với quảng bá di sản văn hoá). • Nghiên cứu, đề xuất chiến lược phát triển bền vững (kết hợp giữa bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hoá với phát triển kinh tế, xã hội).	• Cung cấp thông tin, nguồn tri thức của ngành cho việc nghiên cứu lịch sử (về quá trình ra đời, thực trạng, triển vọng, vị trí và đóng góp của ngành đối với xã hội;...). • Thúc đẩy Sử học phát triển (quảng bá các giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống,... của các cộng đồng, cũng như tri thức lịch sử và văn hoá nhân loại). • Góp phần lưu giữ và phát huy các giá trị lịch sử, văn hoá trong cộng đồng (thông qua ngành để giáo dục các thế hệ, tôn vinh các giá trị lịch sử, văn hoá;...).

? Em hãy cho biết vai trò của ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với sử học? Lấy ví dụ.

? Vì sao trong cuộc đấu tranh chống tư sản, công nhân lại đập phá máy móc?

? Ngoài hình thức đập phá máy móc thì công nhân còn đấu tranh bằng hình thức nào?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

2. Sử học với sự phát triển ngành Công nghiệp hóa.

a. Sử học với sự phát triển ngành Công nghiệp hóa.

- Cung cấp những tri thức liên quan đến ngành.

b. Ngành Công nghiệp hóa đối với Sử học

- Cung cấp thông tin, nguồn tri thức của ngành cho việc nghiên cứu lịch sử

- Thúc đẩy Sử học phát triển.

- Góp phần lưu giữ và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa trong cộng đồng

Hoạt động 2: Lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

a. Mục tiêu: Trình bày được tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với việc quảng bá cho truyền thống lịch sử và giá trị văn hóa của dân tộc, tri thức lịch sử và văn hóa nhân loại.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

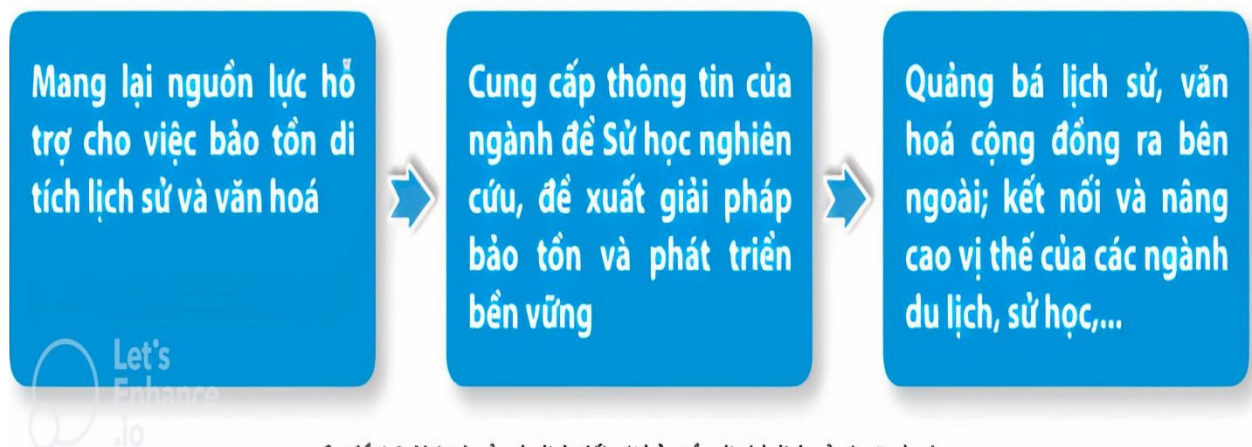
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương- di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại có những giá trị lịch sử và văn hóa như thế nào?

? Lễ hội nghinh Ông là nét văn hóa của cư dân vùng nào ở nước ta? Lễ hội này có ý nghĩa như thế nào về mặt lịch sử.

Dựa vào sơ đồ 4.2 em hãy phân tích những tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa? Lấy ví dụ cụ thể và phân tích



Sơ đồ 4.2. Vai trò của du lịch đối với bảo tồn di tích lịch sử và văn hoá

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

3. Lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

- Mang lại nguồn lực hỗ trợ cho việc bảo tồn di tích lịch sử văn hóa
- Cung cấp thông tin của ngành Sử học nghiên cứu đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững

- Quảng bá lịch sử văn hóa cộng đồng ra bên ngoài, kết nối và nâng cao vị thế của các ngành du lịch, sử học.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi” Chiếc vòng đa sắc”. Trò chơi gồm 4 câu hỏi trắc nghiệm

Ở mỗi câu hỏi, các em sẽ có thời gian 10 giây để đưa ra đáp án. Để trả lời, em sẽ giơ thẻ màu tương ứng với màu đáp án:

Câu 1. Lĩnh vực/loại hình nào sau đây không thuộc công nghiệp văn hóa?

- A. Du lịch khám phá
- B. Điện ảnh
- C. Thời trang
- D. Xuất bản

Câu 2. Công nghiệp hóa có vai trò nào dưới đây đối với sự phát triển của Sử học?

- A. Cung cấp những tri thức liên quan đến khoa học lịch sử
- B. Phát huy, quảng bá các giá trị của lịch sử, văn hóa dân tộc
- C. Nghiên cứu, đề xuất các chiến lược phát triển bền vững
- D. Cơ sở hình thành ý tưởng và nguồn cảm hứng hoạt động

Câu 3. Lĩnh vực nào sau đây thuộc công nghiệp văn hóa

- A. Du lịch mạo hiểm
- B. Ngành du lịch nói chung
- C. Du lịch văn hóa
- D. Du lịch khám phá

Câu 4. Hình ảnh từ bộ phim lịch sử nổi tiếng Thủ lĩnh nô lệ của điện ảnh Mỹ thuộc lĩnh vực nào?



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

- + Phát vấn
- + Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Hoàn thành bảng sau

Giả sử em có định hướng nghề nghiệp là một hoặc một số lĩnh vực nêu trên của công nghiệp văn hóa. Hãy đề xuất một số ý tưởng trong học tập lịch sử để trang bị cho mình những hiểu biết, tri thức môn học nhằm phục vụ cho nghề nghiệp tương lai.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KỲ CỔ - TRUNG ĐẠI

Bài 5: KHÁI NIỆM VĂN MINH

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm được:

- Giải thích và phân biệt được khái niệm văn hóa và văn minh
- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh thế giới trên trục thời gian
- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Đông
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng cho HS

- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại.
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan trung thực chăm chỉ có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC – HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word theo định hướng phát triển năng lực học sinh
- Một số tư liệu có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. Tiến trình dạy - học:

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS xem hình ảnh: *Các nền văn minh: Nền văn minh Maya, Nền văn minh Trung Hoa, Nền văn minh Angko, Nền văn minh Ai Cập*

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Nhìn vào những hình ảnh trên em liên tưởng đến nền văn minh nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Theo dòng lịch sử hàng nghìn năm tiến trình văn minh thế giới được khắc ghi đậm nét bởi các dấu ấn cá nhân, dân tộc hay của cả nhân loại. Những công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa.. của người xưa để lại phần nào phác họa được nét đặc sắc của các nền văn minh trong tiến trình lịch sử. Bài học sẽ giúp em khám phá những điều này.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. 1. Khái niệm văn minh

a. Mục tiêu: Giải thích và phân biệt được khái niệm văn hóa và văn minh

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và hoàn thành phiếu học tập số 1

	Văn hóa	Văn minh
Nhận diện		
Đặc điểm		
Tầm vóc		
Mối quan hệ		

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

Sản phẩm dự kiến

	Văn hóa	Văn minh
Nhận diện	Các thành tựu do có loài người sáng tạo ra có giá trị vật chất lẫn tinh thần.	Di sản tích lũy tri thức, tinh thần và vật chất, có khi thiên về giá trị vật chất-kỹ thuật
Đặc điểm	Ra đời cùng với sự xuất hiện và phát triển của xã hội loài người. Có bề dày lịch sử.	Những giá trị mà loài người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao. Chỉ trình độ phát triển
Tầm vóc	Có tính dân tộc	Có tính quốc tế
Mối quan hệ	Văn hóa ra đời trước phát triển đến trình độ nào đó thì văn minh ra đời. Văn minh là quá trình tích lũy những sáng tạo của văn hóa. Văn minh ra đời sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển.	

GV chốt lại nội dung toàn bài

1. Khái niệm văn minh

- Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.
 - Văn minh là trạng thái tiến bộ về cả vật chất và tinh thần của xã hội loài người tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa.
- => Văn minh có mối liên hệ chặt chẽ với văn hóa.

Hoạt động 2. Khái quát tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới thời cổ trung đại.

a. Mục tiêu: Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh thế giới trên trục thời gian

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV cho HS xem sơ đồ tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới cổ - trung đại và giới thiệu các nền văn minh trên thế giới:

Yêu cầu HS nối cột:

1. Văn minh Ai Cập	a. Sông Hoàng Hà, sông Trường Giang
2. Văn minh Ấn Độ	b. Sông Nin
3. Văn minh Trung Hoa	c. Sông Hằng, Sông Ấn
4. Văn minh Hy Lạp-Rôma	d. Bờ biển Địa Trung Hải

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV chốt lại nội dung toàn bài

2. Khái quát tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới thời cổ trung đại.

- Bốn trung tâm văn minh lớn thời kỳ cổ đại ở phương Đông là Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa. Đặc điểm chung của các nền văn minh này là đều hình thành trên lưu vực các con sông lớn.
- Thời kỳ trung đại các nền văn minh phương Đông, Ấn Độ, Trung Hoa tiếp tục phát triển.
- Dù xuất hiện muộn hơn nhưng nền văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại phát triển rực rỡ và trở thành cơ sở của nền văn minh phương Tây sau này.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Tham gia trò chơi Cướp biển

- GV phổ biến luật chơi: Một nhóm hải tặc đã lấy trộm đi kho báu. Để lấy lại kho báu HS sẽ phải vượt qua những câu hỏi sau:

Câu 1: Cư dân sống trong thành thị chủ yếu là:

- A. Nông dân
- B. Công nhân
- C. Địa chủ
- D. Thương nhân và thợ thủ công

Câu 2: Những hội chợ bắt đầu xuất hiện vào thế kỉ mấy?

- A.X
- B.XI
- C.XII
- D.XIII

Câu 3: Vai trò của thành thị về mặt kinh tế là:

- A. Trở thành công cụ tuyên truyền cho lãnh chúa

- B. Văn hóa bị kìm hãm sơ với trước đó
- C. Nhiều sách được xuất bản
- D. Mở mang tri thức

Câu 4: Thế kỉ XI, kinh tế lãnh địa phát triển dẫn đến nhu cầu gì?

- A. Trao đổi sản phẩm
- B. Nhu cầu đất đai
- C. Nhu cầu mở nhiều chợ
- D. Nhu cầu ăn uống tăng

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Câu hỏi	1	2	3	4
ĐA	D	B	A	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

- + Phát vấn
- + Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Văn minh Văn Lang-Âu Lạc, văn minh Đại Việt ở Việt nam thuộc giai đoạn nào của lịch sử văn minh thế giới? Vì sao?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY: Bài 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Giải thích được cơ sở hình thành văn minh Ai Cập cổ đại
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu chính của văn minh Ai Cập cổ đại.
- Đánh giá được vai trò vị trí và cống hiến của văn minh Ai Cập cổ đại trong lịch sử văn minh thế giới

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh Ai Cập cổ đại.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới
- Nhân ái: Trân quý những cống hiến mang tính tiên phong và bảo vệ những giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Bảng phụ, máy trình chiếu, ...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Hãy nêu những điều em biết về đất nước, con người của nền văn minh Ai Cập cổ đại.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Người Ai Cập cổ đại gọi quê hương của mình là Kê – mét nghĩa là Đất đen, dải đất hai bên bờ sông Nin. Nơi đó trong hơn ba thiên niên kỉ tồn tại, họ đã ghi tên mình vào lịch sử nhân loại với tư cách là chủ nhân một trong những nền văn minh cổ xưa và rực rỡ nhất của nhân loại. Bài học sẽ lí giải cơ sở hình thành, nêu được thành tựu và ý nghĩa của nền văn minh Ai Cập cổ đại.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Văn minh Ai Cập cổ đại**

- Mục tiêu:** Biết được cơ sở hình thành văn minh Ai Cập cổ đại Biết được cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng ở Pháp diễn ra như thế nào
- Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK
- Sản phẩm:** HS xem SGK và tiếp thu kiến thức
- Tổ chức hoạt động:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**Nhiệm vụ 1: Cơ sở hình thành**

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Dựa vào lược đồ 6.1 em hãy giải thích về nhận định của sử gia Hy Lạp cổ đại Hê-rê-đốt “ Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin”



Sơ đồ 6.1. Cơ sở hình thành văn minh Ai Cập cổ đại

+ Nhóm 2: Điều kiện địa lí tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế Ai Cập?

+ Nhóm 3: Trình bày sự ra đời và ý nghĩa của sự ra đời Nhà nước ở Ai Cập.

+ Nhóm 4: Xác định thành phần, vị trí các tầng lớp trong xã hội Ai Cập? Dân cư của Ai Cập có nguồn gốc từ đâu?

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

	Thành tựu
Chữ viết	Nhóm 1
Toán học	Nhóm 2
Kỹ thuật	Nhóm 3
Kiến trúc	Nhóm 4

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Văn minh Ai Cập cổ đại

a. Cơ sở hình thành

- Văn minh Ai Cập cổ đại hình thành trên lưu vực sông Nin ở Đông Bắc châu Phi.

- Kinh tế nông nghiệp đóng vai trò là nền tảng, bên cạnh đó thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng đóng vai trò khá quan trọng

b. Những thành tựu cơ bản

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	- Cư dân Ai Cập cổ đại viết chữ tượng hình. - Họ thường viết chữ trên giấy Pa-pi-rút hoặc trên đá
Toán học	- Người Ai Cập rất giỏi Số học và Hình học. Họ đã nghĩ ra phép đếm đến 10 và đã tính được số Pi bằng 3,16.
Kỹ thuật	Kỹ thuật ướp xác ra đời vào khoảng 2700 TCN. Ngoài ra họ còn

	biết tạo ra con lặn, cần trục, bơm nước, đóng thuyền lớn.	
Kiến trúc	Người Ai Cập đã xây dựng được nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc đồ sộ như kim tự tháp, tượng nhân sư....	

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Câu 1: Điều kiện tự nhiên ở Ai Cập thích hợp nhất cho việc phát triển ngành kinh tế chủ yếu nào dưới đây

- A. Thương nghiệp
- B. Thủ công nghiệp
- C. Nông nghiệp
- D. Đánh bắt cá

Câu 2: Các tầng lớp xã hội chính của xã hội Ai Cập cổ đại gồm:

- A. Vua quan lại, nông dân
- B. Quý tộc nông dân nô lệ
- C. Quý tộc bình dân nô lệ
- D. Vua
- E. nông dân nô lệ

Câu 3: Tầng lớp nào dưới đây là lực lượng lao động chính của xã hội Ai Cập cổ đại

- A. Quý tộc
- B. Nô lệ
- C. Quan lại
- D. Nông dân

Câu 4: Người Ai Cập viết chữ trên nguyên liệu gì

- A. Giấy Pa-pi-rút
- B. Lụa
- C. Đất sét

D. Thẻ tre

Câu 5: Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là:

A. Quý tộc

B. Tù trưởng

C. Pha-ra-ông

D. Gà làng

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	C	B	D	A	C

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Em hãy kể tên những thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại vẫn còn giá trị sử dụng trong thực tiễn ngày nay. Phân tích ý nghĩa và giá trị của những thành tựu này.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế học HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Nhìn những hình ảnh trên em liên tưởng đến đất nước nào? Em biết gì về đất nước này?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Văn minh Trung hoa cổ - trung đại là một trong những nền văn minh phát triển rực rỡ ở phương Đông. Khám phá bài học sẽ giúp em hiểu một nền văn minh hình thành cách ngày nay khoảng 5000 năm lại có thể đạt được nhiều thành tựu quan trọng có giá trị và đóng góp to lớn đối với lịch sử văn minh thế giới.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại

a. Mục tiêu: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại. Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của nền văn minh này.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

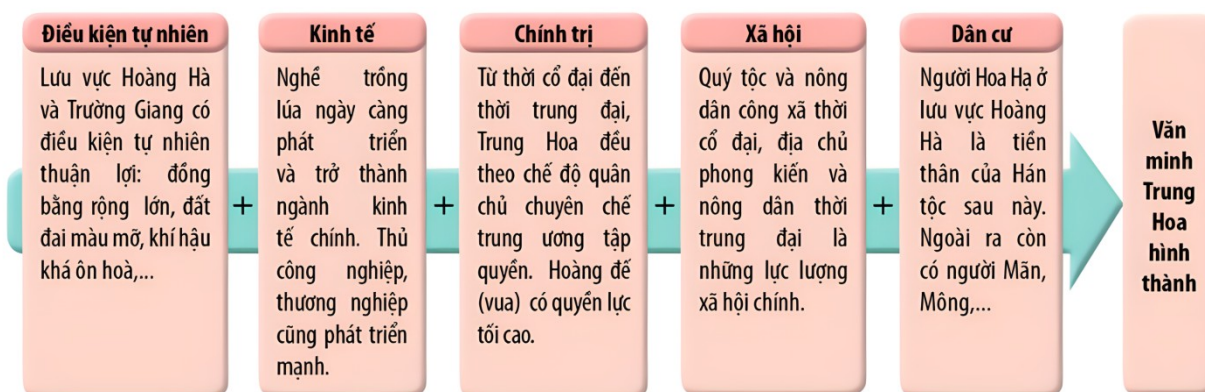
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Cơ sở hình thành

HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ

? Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 6.2, lược đồ 6.2 và hình 6.7, hãy giải thích những cơ sở hình thành nền văn minh Trung Hoa thời cổ trung đại?

? Em hãy cho biết Hoàng Hà và Trường Giang có tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?



Sơ đồ 6.2. Cơ sở hình thành văn minh Trung Hoa cổ – trung đại

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	Tìm hiểu nguyên nhân ra đời ý nghĩa và giá trị của thành tựu chữ viết? Vì sao nói chữ viết là thành tựu văn minh có ý nghĩa hết sức quan trọng của người Trung Quốc?
Tư tưởng tôn giáo	Nêu những thành tựu cơ bản về tư tưởng và tôn giáo của văn minh Trung Hoa? Theo em học thuyết của Khổng Tử đến nay còn giá trị không? Em chú ý đến nội dung nào trong học thuyết này?
Sử học và văn học	Trình bày những thành tựu tiêu biểu ý nghĩa và giá trị của văn học và sử học Trung Quốc? Thơ đường ảnh hưởng đến thơ ca Việt Nam thời kỳ trung đại như thế nào?
Kiến trúc điêu khắc	Nêu những công trình kiến trúc điêu khắc của nền văn minh Trung Hoa?
Khoa học kỹ thuật	Trình bày những thành tựu khoa học kỹ thuật tiêu biểu của văn minh Trung Hoa? Thế giới đã thừa kế những phát minh kỹ thuật nào của người Trung Quốc thời kỳ cổ-trung đại?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại

a. Cơ sở hình thành

- Văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại: Nền văn minh ở khu vực Đông Nam Á hình thành ở lưu vực Hoàng Hà và Trường Giang
- Nền tảng kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp.
- Văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại là một tổng những nền văn minh có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài nhất trên thế giới.

b. Những thành tựu cơ bản

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	
Tư tưởng tôn giáo	
Sử học và văn học	
Kiến trúc điêu khắc	
Khoa học kỹ thuật	

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi kéo co: Các em học sinh sẽ trả lời câu hỏi để giúp đội mình kéo thắng đội bạn. Mỗi câu trả lời đúng trong thời gian quy định sẽ giúp đội mình thắng 1 hiệp. Trường hợp cả hai đội không trả lời đúng sẽ coi như hòa. Hiệp đó không tính vào số hiệp thắng. Kết thúc trò chơi đội nào có số hiệp thắng nhiều hơn (tương đương với trả lời đúng nhiều câu hỏi hơn) sẽ là đội chiến thắng.

Câu 1: Chủ nhân đầu tiên của nền văn minh Trung Hoa là dân tộc nào?

A. Người Hoa Hạ

- B. Người Choang.
- C. Người Mãn
- D. Người Mông Cổ

Câu 2: Loại chữ cổ nhất của người Trung Quốc là:

- A. Chữ Hán
- B. Chữ La tinh
- C. Chữ giáp cốt, kim văn
- D. Chữ Phạn

Câu 3: Thành tựu nào dưới đây KHÔNG thuộc “tứ đại phát minh” về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kỳ cổ trung đại

- A. Kĩ thuật làm giấy
- B. Kĩ thuật làm lịch
- C. Thuốc súng
- D. La bàn

Câu 4: Tư tưởng tôn giáo nào trở thành hệ tư tưởng phục vụ cho chế độ phong kiến Trung Quốc?

- A. Thiên Chúa giáo
- B. Hồi giáo
- C. Đạo Phật
- D. Nho giáo

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	B	D

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách báo và internet, hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một công trình kiến trúc của Trung Quốc thưở cổ đại mà em ấn tượng nhất.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

Bài 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG (T2)

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Nhìn những hình ảnh trên em liên tưởng đến đất nước nào? Em biết gì về đất nước này?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hằng năm cứ đến mùa tuyết tan, nước từ dãy núi Hi-ma-lay-a theo sông Ấn và sông hằng đem phù sa màu mỡ bồi đắp cho những cánh đồng ở Bắc Ấn, Trên lưu vực các con sông này, văn minh Ấn Độ hình thành phát triển và lan tỏa đến nhiều nơi trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á. Chúng ta cùng khám phá các vấn đề trên qua bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại

a. Mục tiêu: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại. Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của nền văn minh này.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Cơ sở hình thành

GV chia HS thành 4 nhóm quan sát sơ đồ 6.3 và đọc thông tin SGK hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Dựa vào sơ đồ 6.3 cho biết điều kiện tự nhiên ảnh hưởng gì đến sự ra đời của nền văn minh Ấn Độ cổ - trung đại? (thuận lợi và khó khăn)

+ Nhóm 2: Hãy nêu các ngành kinh tế của nền văn minh Ấn Độ thời cổ -trung đại?

+ Nhóm 3: Trình bày chính trị -xã hội của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại? (chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại được phân chia trên cơ sở nào?)

+ Nhóm 4: Theo em điều gì đã làm nên sự phong phú đa dạng về tộc người của Ấn Độ cổ Trung đại?



Sơ đồ 6.3. Cơ sở hình thành văn minh Ấn Độ cổ - trung đại

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ

	Thành tựu
Tôn giáo	Nhóm 1
Chữ viết văn học	Nhóm 2

Toán học	Nhóm 3
Kiến trúc điêu khắc	Nhóm 4

HS trả lời cá nhân: ? Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Vì sao?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại

a. Cơ sở hình thành

- Văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại Nền văn minh ở khu vực Đông Nam Á hình thành trên lưu vực sông Ấn và sông Hằng với nền kinh tế nông nghiệp và các hoạt động sản xuất thủ công nghiệp, thương nghiệp.

Ấn Độ là một trong những nền văn minh lớn, lâu đời và có ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều quốc gia khu vực trên thế giới.

b. Những thành tựu cơ bản

Lĩnh vực	Thành tựu
Tôn giáo	- Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn như Hin-du giáo, Phật giáo... - Các tôn giáo lớn ở Ấn Độ có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của cư dân Ấn Độ và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài
Chữ viết văn học	- Cư dân Ấn Độ sớm tạo ra chữ viết điển hình như chữ Bra-mi, chữ San-krit (Phạn) - Văn học Ấn Độ thời cổ - trung đại được nhiều thành tựu lớn tiêu biểu là kinh Vệ – đa, sử thi...
Toán học	- Người Ấn Độ đã sáng tạo ra hệ thống số tự nhiên, họ đã tính được căn bậc hai căn bậc ba, có hiểu biết về các cấp số, đã biết quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác
Kiến trúc điêu khắc	Nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc nổi tiếng như đền, chùa, tháp, tượng Phật

GV bổ sung**Ấn Độ giáo**

Xuất xứ: Ấn Độ

Thời gian ra đời: Thế kỷ 6 trước Công Nguyên

Người sáng lập: Đức Phật Thích Ca lịch sử (xuất thân từ Thái tử Tất-Đạt-Đa Cồ-Đàm (Siddhattha Gotama) của vương quốc dòng họ Thích Ca (Sakya).

Chủ thuyết: Tránh làm những điều ác, Làm những điều thiện, Tu dưỡng Tâm trong sạch (kinh Pháp Cú).

Loại tôn giáo: Phổ biến, mở rộng, được truyền bá qua nhiều nước trên thế giới; thuộc về vô-thần, không chủ trương hữu thần, không công nhận có đấng sáng tạo hay thượng đế quyết định số mạng con người; chủ trương về lý nhân-quả.

Những nhánh phái chính: Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) và Đại Thừa (Mahayana).

Kinh Vê-Đa

Kinh Vê-đà, hay Phê-đà (tiếng Phạn: वेद; tiếng Anh: Veda) xem như là cội gốc của giới Bà La Môn và là suối nguồn của nền văn minh Ấn Độ. Vêda có nghĩa là "tri thức". Trong kinh có những bản tụng ca để ca ngợi các vị thần, như thần lửa, thần núi, thần sông... Phần lớn ca tụng những vẻ đẹp huy hoàng, tung bừng và màu nhiệm của cuộc sống trong vũ trụ.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi giải ô chữ

Câu 1: Đất nước được xem là tặng phẩm của sông Nin? (5 chữ cái)

Câu 2: Con sông linh thiêng của người Ấn Độ? (8 chữ cái)

Câu 3: Dãy núi chia đôi Ấn Độ thành hai miền Nam Bắc? (7 chữ cái)

Câu 4: Di sản văn hóa thế giới cổ đại duy nhất còn nguyên vẹn đến ngày nay? (9 chữ cái)

Câu 5: Chế độ xã hội cổ truyền khắc nghiệt của Ấn Độ gắn với Bà La Môn giáo? (7 chữ cái)

Câu 6: Dòng sông là trái tim của Ai Cập? (4 chữ cái)

Câu 7: Tôn giáo cổ xưa nhất của Ấn Độ ra đời từ thiên niên kỉ I TCN? (7 chữ cái)

Câu 8: Chữ số đặc biệt nhất trong dãy số tự nhiên của Ấn Độ? (7 chữ cái)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Câu 1: Ai Cập

Câu 2: Sông Hằng

Câu 3: Vindhya

Câu 4: Kim tự tháp

Câu 5: Đẳng cấp

Câu 6: Nile

Câu 7: Balamon

Câu 8: Số không

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Thực hiện dự án” Hành trình kết nối di sản”. Em hãy lựa chọn một di sản văn hóa của Việt Nam chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Ấn Độ và trình bày những giá trị đặc sắc của di sản đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY: Bài 7: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại
- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La mã cổ đại và văn minh Tây Âu thời Phục hưng

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới
- Nhân ái: Trân quý những cống hiến mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Bảng phụ, máy trình chiếu, ...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Đoán tên các vị thần trong thần thoại Hy Lạp*



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hy Lạp và La mã là hai nền văn minh cổ ở khu vực Địa Trung Hải. Văn Hy Lạp hình thành từ thiên niên kỉ III, đạt đến đỉnh cao ở thế kỉ V TCN, trong đó từ thế kỉ II TCN người La mã đã tiếp nhận nền văn minh Hy Lạp và phát triển thành một dòng chảy văn minh liên tục với những thành tựu cao hơn. Nền văn minh Hy Lạp La mã hình thành trên cơ sở nào và những thành tựu của nó có ý nghĩa lịch sử gì? Hãy cùng tìm hiểu qua bài học này nhé.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Văn minh Hy Lạp, La Mã

a. Mục tiêu: - Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS thành 4 nhóm quan sát sơ đồ 6.3 và đọc thông tin SGK hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Điều kiện tự nhiên của vùng đất Hy Lạp và la mã ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nền văn minh

+ Nhóm 2: Nêu đặc điểm dân cư của Hy Lạp và La Mã thời kỳ cổ đại. Kinh tế Hy Lạp và La Mã thời cổ đại có những đặc điểm nổi bật gì? Theo em sự phát triển kinh tế sẽ tạo ra những cơ sở gì để văn minh Hy Lạp la mã cổ đại phát triển

+ Nhóm 4: Vì sao nói chế độ chiếm hữu nô lệ ở Hy Lạp La Mã cổ đại có tính chất điển hình trong lịch sử cổ đại?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Văn minh Hy Lạp, La Mã

1.1. Cơ sở hình thành

a. Điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế

- Điều kiện tự nhiên

+ Vị trí địa lý: khu vực địa Trung Hải ba mặt giáp biển, có nhiều đảo lớn nhỏ, đường bờ biển có nhiều vũng, vịnh, tạo thành nhiều hải cảng, có điều kiện giao lưu, kết nối, tiếp thu ảnh hưởng của nền văn minh phương Đông cổ đại.

+ Điều kiện: Tài nguyên khoáng sản phong phú để phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp và hàng hải

- Dân cư

+ Cư dân Hy Lạp cổ đại gồm nhiều tộc người: Ê-ô-li-êng, A-kê-ăng, Đô-ni-êng.

+ Cư dân La Mã cổ đại chủ yếu là người I-ta-li-an, về sau 1 bộ phận người I-ta-

li-an dựng nên thành Rô-ma nên còn gọi là người Rô Ma.

- Kinh tế

Ở Hy Lạp và La Mã kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp đóng vai trò chủ đạo.

b. Chính trị - xã hội.

- Chính trị

- + Vào khoảng thế kỷ VIII-VII TCN, các nhà nước Hy Lạp và La Mã ra đời.
- + Ở Hy Lạp là quốc gia thành bang.
- + Ở La Mã nhà nước điển hình là nền cộng hòa quý tộc, nhà nước đế chế.

- Xã hội.

- + Xã hội Hy Lạp và La Mã bao gồm: chủ nô, bình dân và nô lệ
 - ✓ Chủ nô là tầng lớp có thể lực về chính trị và kinh tế sở hữu nhiều nô lệ.
 - ✓ Bình dân là những người tự do, gồm nông dân nghèo, thợ thủ công và nô lệ được giải phóng.
 - ✓ Nô lệ là tầng lớp chiếm số đông trong xã hội làm việc nặng nhọc trong các trang trại, xưởng thủ công...

Hoạt động 2: Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La mã cổ đại và văn minh Tây Âu thời Phục hưng

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS thành 5 nhóm mỗi nhóm tương ứng với 1 thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã

- + Nhóm 1: Chữ viết
- + Nhóm 2: Văn học
- + Nhóm 3: Lịch
- + Nhóm 4: Khoa học
- + Nhóm 5: Kiến trúc

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã**a. Chữ viết, chữ số**

- Hệ thống chữ La tinh ra đời dựa trên cơ sở tiếp thu chữ cái của người Hy Lạp
- Người La Mã còn tạo ra hệ thống chữ số với 7 chữ cơ bản, gọi là chữ số La Mã.

b. Văn học: I-li-át và Ô-đi-xê**c. Triết học**

- Triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại được xem là những thành tựu rực rỡ của nền văn minh phương Tây tạo nên cơ sở hình thành của triết học châu Âu sau này.

d. Tôn giáo

- Một trong những thành tựu tôn giáo nổi bật đó là sự ra đời của Thiên Chúa giáo (thế kỉ I). Sau đó trở thành một trong những tôn giáo lớn trên thế giới.

e. Lịch

- Người Hy Lạp và La Mã đã sáng tạo ra dương lịch

f. Khoa học: Tailét, Pi-ta-go, Ô-clít, Ác-si-mét**9. Kiến trúc điêu khắc**

- Hy Lạp: Đền Pác-tê-nông, đền A-tê-na, nhà hát Đi-ô-ni-xốt, tượng thần Dớt, tượng nữ thần A-tê-na, tượng Vệ nữ thành Mi-lô
- Kiến trúc La Mã cổ đại: Kiến trúc mái vòm. Xây dựng các nhà thờ, công trình công cộng

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Hãy ghép nhân vật lịch sử với lĩnh vực khoa học mà họ có nhiều cống hiến

Lĩnh vực khoa học	a. Pi-ta-go
Văn học	b. A-ri-xtốt
Sử học	c. Hô-me
Khoa học tự nhiên	d. Ta-lét
Triết học	e. Ác-si-mét
	g. Hê-rô-đốt
	h. Pla-tông
	i. Tuy-xi-dít

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HSEm ấn tượng nhất với thành tựu nào của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại. Hãy chia sẻ với cả lớp và nêu lí do

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

Bài 7: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY (T2)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La mã cổ đại và văn minh Tây Âu thời Phục hưng

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt:
- + Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quý ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới
- Nhân ái: Trân quý những công hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Bảng phụ, máy trình chiếu, ...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

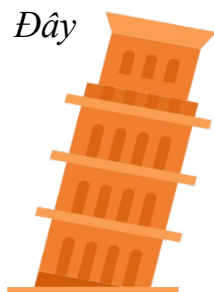
c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Đây là đất nước nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Phong trào văn hóa Phục hưng có nghĩa là tái sinh trở về với những giá trị tinh hoa của nền văn minh Hy Lạp – La mã. Đây không những là cuộc cách mạng về văn hóa mà còn là cuộc tấn công đầu tiên của lượng tiến bộ trong xã hội vào giai cấp phong kiến và Giáo hội thiên chúa giáo đương thời. Phong trào văn hóa Phục hưng hình thành trong bối cảnh lịch sử nào và đạt được những thành tựu gì vào kho tàng di sản văn minh nhân loại? Bài học sẽ giúp em lý giải điều đó.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Văn minh thời Phục hưng**

a. Mục tiêu: Phân tích được bối cảnh lịch sử, những tiền đề kinh tế chính trị xã hội hình thành phong trào văn hóa phục hưng.

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thời phục hưng

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử**

GV HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập

Nội dung	Phiếu học tập
Bối cảnh lịch sử	
Mục tiêu	
Tiền đề kinh tế	
Tiền đề về chính trị xã hội	

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

GV tổ chức cho HS làm bài tập

1. M. Xéc-van-tét	a. Tác phẩm Nàng Mô-na Li sa, Bữa ăn tối cuối cùng.
2. W. Sếch-pia	b. Một nhà văn lớn của Tây Ban Nha với tác phẩm Đôn-ki-hô-tê
3. Lê-ô-nađo Vanh-xi	c. là tác giả người Anh với nhiều vở kịch nổi tiếng như Rô-mê-ô và Giu-li-ét
4. Mi-ken-lăng-giơ	d. Sự sáng tạo của A-đam, tượng Đa-vít
5. Pi-e Giôn-sát	e. Quyền thư tình thứ nhất, Quyền thư tình thứ hai.

? Trình bày nội dung và ý nghĩa của phong trào phục Hưng?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Văn minh thời Phục hưng

a. Bối cảnh lịch sử

Bối cảnh lịch sử	- Đến thời hậu kỳ trung đại đặc biệt là với sự phát triển của các thành thị và tác động của các cuộc phát kiến địa lý kinh tế Tây Âu có nhiều thay đổi. - Phong trào đầu tiên diễn ra ở thành phố Phở-lo-ren (Italy) sau đó lan rộng khắp châu Âu.
Mục tiêu	Khôi phục tinh hoa văn hóa Hy Lạp La Mã, xây dựng nền văn hóa mới, đề cao giá trị chân chính của con người, đòi quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học kỹ thuật.
Tiền đề kinh tế	- Quan hệ sản xuất TBCN hình thành cùng với sự phát triển của kinh tế công thương nghiệp và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Gắn liền với xuất hiện các thành thị trung đại là sự ra đời của nhiều trường đại học như Đại học Pa-ri (Pháp), Đại học O-xphốt (Anh),....
Tiền đề về chính trị xã hội	- Lực lượng tư sản vừa ra đời cần có hệ tư tưởng và nền văn hóa mới đấu tranh chống lại tư tưởng bảo thủ của giai cấp phong kiến và giáo hội Thiên Chúa giáo.

b. Những thành tựu cơ bản

- Một số thành tựu tiêu biểu

Phong trào Văn hoá Phục hưng thời kì này phát triển đến đỉnh cao của văn học, triết học, tư tưởng và khoa học kĩ thuật với sự xuất hiện các tác giả tiêu biểu như: M. Xéc-van-tét, W. Séc-pia, Lê-ô-nađơ Vành-xi, Mi-ken-lăng-giơ...

- Nội dung:

- + Lên án gay gắt Giáo hội Thiên Chúa giáo và đã phá trật tự phong kiến.
- + Đề cao giá trị con người và tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc.

- Ý nghĩa:

- + Là một bước tiến lớn trong lịch sử văn minh ở Tây Âu.
- + Là cầu nối từ văn hóa phong kiến sang văn hóa tư sản. Là khởi đầu của văn minh Tây Âu thời cận đại.

GV bổ sung: Những thành tựu cơ bản

Miguel de Cervantes (Xéc-van-tét)

Miguel de Cervantes (1547-1616) là một nhà văn nổi tiếng của Thời kỳ hoàng kim Tây Ban Nha, người nổi bật như một tiểu thuyết gia, nhà thơ, nhà viết kịch và người lính. Các tác phẩm của ông là khởi đầu của tiểu thuyết hiện đại.

Michelangelo (1475-1564)

Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni (sinh ngày 6 tháng 3 năm 1475, mất ngày 18 tháng 2 năm 1564), thường được gọi là Michelangelo, là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà thơ và kỹ sư thời kỳ Phục hưng Ý. Sự uyên bác của ông trong các lĩnh vực đạt tới tầm mức khiến ông được coi là một người xứng đáng với danh hiệu nhân vật thời Phục hưng, cùng với Leonarda da Vinci, Raphael và Titian (Tiziano Vecelli)

Leonardo di ser Piero da Vinci (1452 – 1519)

Lêôna đơ Vànhxi Ông là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhạc sĩ, bác sĩ, kỹ sư, nhà giải phẫu, nhà phát minh và triết học tự nhiên người Ý. Ông được coi là thiên tài toàn năng nhất lịch sử nhân loại. Ông là người có những ý tưởng vượt trước thời đại của mình, đặc biệt là khái niệm về máy bay trực thăng, xe tăng, dù nhảy, sự sử dụng hội tụ năng lượng mặt trời, máy tính, sơ thảo lý thuyết kiến tạo địa hình, tàu đáy kép, cùng nhiều sáng chế khác.

William Shakespeare (1564 – 1616)

Séc – Xpia: Ông là một nhà văn và nhà viết kịch Anh, được coi là nhà văn vĩ đại nhất của Anh và là nhà viết kịch đi trước thời đại. Ông cũng được vinh danh là nhà thơ tiêu biểu của nước Anh và là "Thi sĩ của dòng sông Avon" Những vở kịch của ông đã được dịch ra thành rất nhiều ngôn ngữ lớn và được trình diễn nhiều hơn bất kì nhà viết kịch nào.

N. Côpecnic Ông là một nhà toán học, thiên văn học, luật gia, học giả kinh

điển, nhà cai trị, viên chức hành chính, nhà ngoại giao, nhà kinh tế, và người lính. Trong số những khả năng của mình, ông đã lựa chọn thiên văn học làm nghề nghiệp chính, sự phát triển thuyết nhật tâm của ông được coi là giả thuyết khoa học quan trọng nhất trong lịch sử, đánh dấu bước chuyển sang thiên văn học hiện đại

Lâu đài Sam-bô

Là lâu đài lớn nhất ở thung lũng Loire, được Francois đệ nhất (1515-1547) vào năm 1539 theo kiến trúc thời kỳ Phục hưng, với mục đích làm nơi săn bắn cho ông. Khuôn viên lâu đài bao gồm một ngôi làng, các trang trại và khu rừng rộng gần 5440 ha cùng hệ động thực vật phong phú, nhiều nhất là nai và heo rừng hoang dã.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Giai cấp tư sản đang lên ở châu Âu đã chống lại hệ tư tưởng của đạo nào?

- A. Phật giáo.
- B. Ấn Độ giáo
- C. Đạo Hồi
- D. Đạo Kitô

Câu 2: Quê hương của Phong trào Văn hóa Phục hưng là

- A. Đức
- B. Thụy Sĩ
- C. Ý
- D. Pháp

Câu 3: Nội dung của phong trào Văn hóa Phục Hưng là:

- A. Đòi cải tạo xã hội phong kiến, phê phán Giáo hội.
- B. Phê phán xã hội phong kiến, đề cao giá trị con người.
- C. Phê phán Giáo hội, đề cao khoa học tự nhiên.

D. Phê phán xã hội phong kiến và Giáo hội, đề cao con người và khoa học tự nhiên.

Câu 4: Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hóa, khoa học thiên tài mà người ta gọi là:

- A. “Những người thông minh”.
- B. “Những người khổng lồ”.
- C. “Những người thông minh”.
- D. “Những người thông minh”.

Câu 5: Tôn giáo mới nào được ra đời trong Phong trào cải cách tôn giáo?

- A. Đạo Hồi
- B. Đạo Tin Lành
- C. Đạo Đạo Thái
- D. Đạo Kitô

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	D	C	D	B	B

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS : Suru tầm tư liệu từ Internet và sách, báo để giới thiệu (theo cách của em) về một công trình/ tác phẩm/ nhà văn văn hoá Phục hưng mà em ấn tượng nhất?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ

BÀI 8: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI (T1)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
- Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- + Góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

4. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm

- Phiếu học tập

5. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS xem 1 đoạn video về tháp Eiffel và trả lời câu hỏi
? Em biết gì về công trình kiến trúc này?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Trong suốt tiến trình lịch sử, con người không ngừng lao động, sáng tạo để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kỳ cận đại đưa đến những thay đổi lớn lao trong các lĩnh vực kinh tế văn hóa xã hội, thay đổi cả bản chất của sản xuất, tạo ra các đột phá về khoa học kỹ thuật, đưa nhân loại vào thời kỳ công nghiệp hóa. Bài học sẽ giúp các em hiểu rõ vấn đề này.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

a. Mục tiêu: Nêu được bối cảnh lịch sử và những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

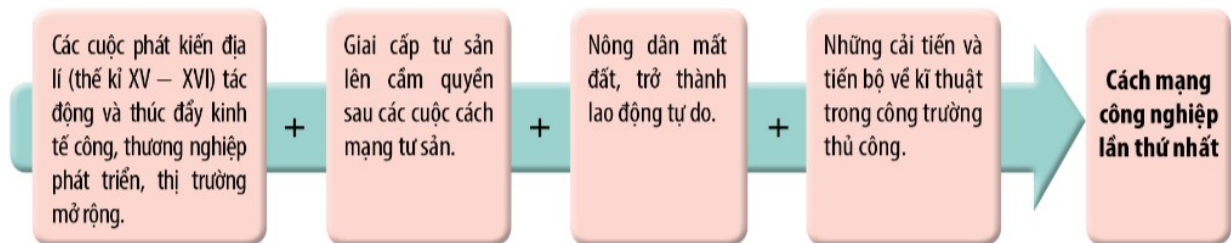
c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

? Em hãy trình bày bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?



Sơ đồ 8.1. Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

? Thảo luận: Theo em, tại sao Cách mạng công nghiệp lại diễn ra đầu tiên ở nước Anh?

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

GV chia HS thành 6 nhóm

- + Nhóm 1,2: Trình bày những phát minh trong ngành dệt? Ý nghĩa của sự ra đời của động cơ hơi nước?
- + Nhóm 3,4: Trình bày những phát minh trong ngành luyện kim?
- + Nhóm 5,6: Trình bày những phát minh trong ngành giao thông vận tải?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

1.1 Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra từ nửa sau thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX

1.2 Những thành tựu cơ bản

- Những thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: Những phát minh trong ngành dệt, phát minh và sử dụng máy hơi nước, động cơ đốt trong để cơ giới hóa sản xuất, phát triển giao thông vận tải

GV bổ sung

James Watt sinh ngày 19 tháng 1 năm 1736 tại thị trấn Greenock, Scotland. Ngay cả ở tuổi thiếu niên, James đã bắt đầu quan tâm đến các thí nghiệm thiên văn học và hóa học. Năm 1769, ông đã nhận được bằng sáng chế với trọng tâm là "cách giảm tiêu thụ hơi trong động cơ hơi nước". James nghiên cứu sâu sắc và nỗ lực cải tiến các loại động cơ hơi nước khác nhau. Ông đã tạo ra động cơ hơi nước đầu tiên của mình vào năm 1774. Năm 1782, nhà khoa học đã tạo ra một động cơ hơi nước với hành động kép xoay liên tục, sau này được gọi là tên của ông. Động cơ có tầm quan trọng lớn, vì nó góp phần chuyển đổi sang sản xuất máy trong công nghiệp.

Ngành luyện kim: Phương pháp luyện kim “put đinh”

Phương pháp luyện kim “put đinh” (nhào trộn) dùng luồng không khí làm nóng chảy quặng để luyện thành sắt. Nhờ phương pháp này mà việc luyện quặng được đơn giản hóa, sắt được sản xuất ra nhiều, được dùng để sản xuất máy móc và đồ dùng sinh hoạt.

Goerge Stephenson sinh ngày 9/6/1781 tại Northumberland, Anh trong một gia đình công nhân mỏ. Khi trước làm việc dưới hầm mỏ, Stephenson đã từng quen thuộc với các loại máy hơi nước của James Watt, rồi theo các ý tưởng của Murdock và Trevithick, Stephenson chế tạo một đầu tàu kéo được 90 tấn trên quãng đường 85 dặm. Stephenson chế tạo tiếp chiếc xe thứ hai rồi chiếc thứ ba, nặng 4 tấn rưỡi, bánh xe có đường kính 1.42 mét. Chiếc thứ ba này có tên là Rocket và được cho chạy vào năm 1830, mở đầu ngành hỏa xa. Trong những lần thử ban đầu, chiếc Rocket chở được 36 hành khách và chạy với tốc độ 30 dặm một giờ.

Cha đẻ phát minh tàu hơi nước đầu tiên trên thế giới

Robert Fulton sinh ra tại một trang trại tại Little Brain, tiểu bang Pennsylvania, Hoa Kỳ

Năm 1803 Fulton đóng xong con tàu động cơ hơi nước 8 mã lực. Ngày 9/1/1803 con tàu hạ thủy. Ngày 17/8/1807, con tàu Klemol hạ thủy.

Fulton qua đời năm 1815 do nhiễm trùng ngực nặng do cảm lạnh.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Câu 1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất trên thế giới được bắt đầu từ lĩnh vực nào?

- A. Giao thông vận tải
- B. Du lịch
- C. Ngành dệt
- D. Luyện Kim

Câu 2. Giêm Oát là người đã phát minh ra:

- A. Máy bay
- B. Máy hơi nước
- C. Máy dệt
- D. Máy tính

Câu 3. Ý không phản ánh đúng ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước là

- A. Biến nước Anh thành “công xưởng thế giới”
- B. Lao động bằng tay được thay thế dần bằng máy móc
- C. Tốc độ sản xuất và năng suất lãnh đạo tăng vượt bậc
- D. Tạo ra nguồn động lực mới, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa

Câu 4. Một trong những ý nghĩa việc phát minh ra máy hơi nước của Giêm Oát (1874) là

- A. Quá trình lao động ngày càng được xã hội hóa cao
- B. Làm giảm sức lao động cơ bắp của con người
- C. Điều kiện lao động công nhân được cải thiện
- D. Là phát minh mở đầu cho cách mạng công nghiệp

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	C	B	d

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Hãy làm sáng tỏ nhận định của Cờ-lau Xva-bơ: “cách mạng công nghiệp lần thứ nhất sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất”

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

CHỦ ĐỀ 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ

BÀI 8: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
- Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- + Góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Em hãy tưởng tượng nếu cuộc sống của chúng ta bây giờ không có điện thì sẽ như thế nào

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Trong suốt tiến trình lịch sử, con người không ngừng lao động, sáng tạo để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đưa đến những thay đổi lớn lao trong các lĩnh vực kinh tế văn hóa xã hội, thay đổi cả bản chất của sản xuất, tạo ra các đột phá về khoa học kỹ thuật, đưa nhân

loại vào thời kì công nghiệp hóa. Bài học sẽ giúp các em hiểu rõ vấn đề này.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

a. Mục tiêu: Nêu được bối cảnh lịch sử và những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

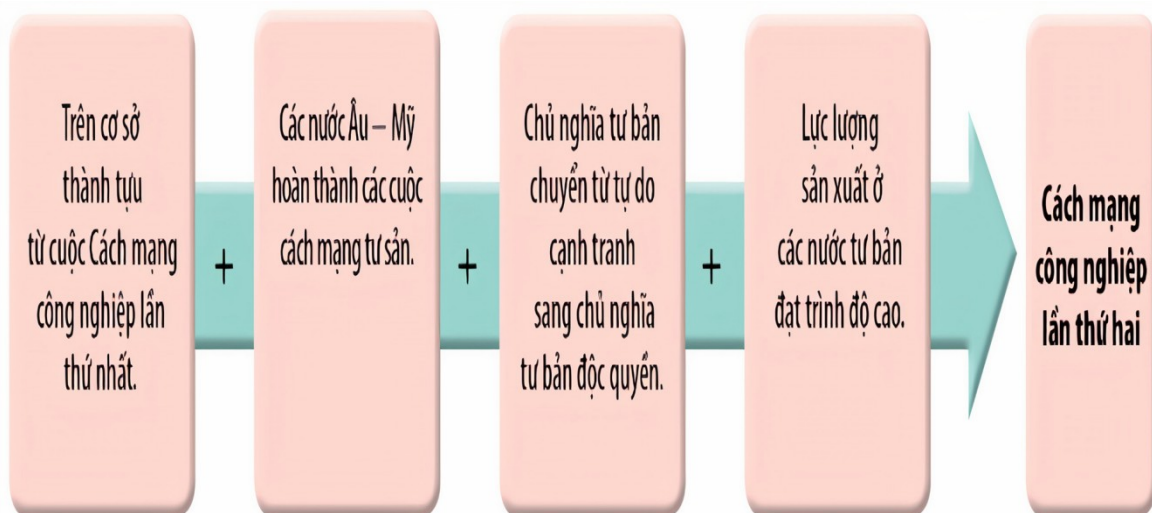
c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

? Đọc thông tin và quan sát Sơ đồ 8.2, hãy cho biết cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ hai diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào?



Sơ đồ 8.2. Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

GV chia HS thành 4 nhóm

- + Nhóm 1: Trình bày những phát minh trong sử dụng điện năng
- + Nhóm 2: Trình bày những phát minh trong ngành luyện kim
- + Nhóm 3: Trình bày những phát minh trong ngành công nghiệp hóa chất
- + Nhóm 4: Trình bày những phát minh trong ngành giao thông vận tải

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

2. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

2.1 Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 diễn ra từ thập niên 70 của thế kỉ XIX đến năm 1914.
- Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp này là việc sử dụng năng lượng điện, quá trình tự động hóa cả sự ra đời của các dây chuyền sản xuất hàng loạt trên quy mô lớn.

2.2 Những thành tựu cơ bản

Các phát minh về điện	- Nhờ các phát minh về điện của các nhà bác học như Ghê-oóc Xi-môn Ôm, Pha-ra-đây, Pre-xcôt Giun, Lân-xơ đã mở ra khả năng ứng dụng nguồn năng lượng mới. - Năm 1879, Thô-mát Ê-đi-xon đã phát minh ra bóng đèn điện. - Năm 1891, Đô-rô-vôn-xki đã chế tạo thành công máy phát điện và động cơ xoay chiều.
Luyện kim	Kỹ thuật luyện kim được cải tiến với việc sử dụng lò Bét-xme và lò Mác tanh
Công nghiệp hóa học	Phục vụ cho ngành nhuộm, phân bón và thuốc nổ, điện lực và in ấn...
Giao thông vận tải	Dầu đi-ê-zen được sử dụng và cung cấp nguyên liệu mới cho giao thông vận tải. - Năm 1886, chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới được Các Ben phát minh - Năm 1903, Hai anh em người Mỹ là Vin-bơ Rai và Oóc-vin Rai đã chế tạo thành công chiếc máy bay đầu tiên

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:**Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS**

Câu 1. Phát minh tiêu biểu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là:

Câu 2. Năm 1903, phát minh nào ra đời có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực GTVT?

Câu 3. Nguồn năng lượng mới nào được phát hiện trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 và được mệnh danh là “ nguồn năng lượng của người nghèo”?

Câu 4. Ai là người phát minh ra ô tô đầu tiên

Câu 5. “Ông vua” xe hơi nước Mỹ là ai?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1. Điện và động cơ điện

Câu 2. Máy bay

Câu 3. Dầu mỏ

Câu 4. Các Ben

Câu 5. Hen-ri Pho

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Em hãy chọn và phân tích một thành tựu văn minh trong hai cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và việc học tập của bản thân.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

BÀI 8: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
- Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- + Góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Đây là thành phố nào?



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng lần thứ nhất và lần thứ hai

a. Mục tiêu: Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Ý nghĩa

GV cho HS đọc sgk thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

+ Nhóm 1,2: Trình bày ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại?

+ Nhóm 3,4: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với xã hội?

+ Nhóm 5,6: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với văn hóa

Nhiệm vụ 2: Tác động

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Quan sát các bức ảnh sau và cho biết tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với xã hội?

? Em hãy cho biết tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với văn hóa?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

3. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng lần thứ nhất và lần thứ hai

3.1. Ý nghĩa

- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm thay đổi diện mạo các nước tư bản. Những tiến bộ về kĩ thuật đã mở ra khả năng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất, sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã thay thế lao động tay chân của con người bằng lao động của máy móc, chuyển nền sản xuất thủ công sang cơ khí hóa.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã chuyển nền sản xuất từ cơ khí hóa sang điện khí hóa, làm thay đổi căn bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa.

- Cách mạng công nghiệp đã góp phần thúc đẩy những chuyển biến mạnh mẽ

trong các ngành kinh tế khác, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải.

3.2. Tác động

a. Đối với xã hội

- Hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản: tư sản và vô sản hình thành.
- Sự bóc lột của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản làm xuất hiện mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội tư bản.
- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm xuất hiện nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân.

b. Đối với văn hóa

- Thúc đẩy giao lưu, kết nối văn hóa toàn cầu.
- Rút ngắn khoảng cách không gian, thời gian.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người
- Hình thành lối sống, tác phong công nghiệp....

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

? Hoàn thành bảng thống kê hai cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại theo các tiêu chí sau:

Lĩnh vực	Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất	Cách mạng công nghiệp lần thứ hai
Đặc điểm		
Thành tựu nổi bật		
Ý nghĩa, giá trị		
Tác động kinh tế		
Tác động xã hội		

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1. Điện và động cơ điện

Câu 2. Máy bay

Câu 3. Dầu mỏ

Câu 4. Các Ben

Câu 5. Hen-ri Pho

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Em hãy trình bày một tác động về văn hóa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với đất nước hoặc bản thân em.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 9: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI (T1)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư
- Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kỳ cận đại
- + Góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

Nhìn hình ảnh và đoán tên các dòng laptop do quốc gia nào sản xuất?



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

a. Mục tiêu: - Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 9.1, hãy trình bày bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba?



Sơ đồ 9.1. Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

- + Nhóm 1: Trình bày sự ra đời của máy tính
- + Nhóm 2: Trình bày sự ra đời và phát triển của Internet
- + Nhóm 3: Trình bày sự bùng nổ của công nghệ thông tin
- + Nhóm 4: Trình bày sự ra đời và công dụng của các thiết bị điện tử

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

1.1. Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra vào nửa sau thế kỷ XX, khởi đầu ở nước Mỹ, sau đó phát triển ở các nước khác như Liên Xô, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức....
- Từ những năm 70 của thế kỷ XX, cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra chủ yếu trên lĩnh vực công nghệ nên được gọi là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.

1.2. Những thành tựu cơ bản

a. Máy tính

- Máy tính điện tử ra đời đã dẫn đến tự động hóa trong quá trình sản xuất
- Đến những năm 90 của thế kỷ XX, nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề đã được điều khiển bằng máy tính

b. Sự ra đời của Internet

- Internet được phát minh năm 1957 bởi văn phòng Xử lý Công nghệ thông tin ARPA (Mỹ)

- Năm 1969, Internet được khai thác sử dụng, từ năm 1991 Web và internet phát triển một cách nhanh chóng.

c. Sự bùng nổ công nghệ thông tin

- Công nghệ thông tin là một nhánh ngành kĩ thuật máy tính và phần mềm để chuyển đổi, lưu giữ, bảo vệ, xử lý, truyền tải và thu thập thông tin.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu

d. Các thiết bị điện tử

- Thiết bị điện tử là loại thiết bị có chứa linh kiện bán dẫn và cá mạch điện tử cho phép tự động hóa trong các quá trình công nghệ và kiểm tra sản phẩm

Nhiều thiết bị được chế tạo, như thiết bị viễn thông, thiết bị thu thanh và truyền hình, thiết bị y tế....

- Các mạng công nghiệp còn đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực chế tạo vật liệu mới, chinh phục vũ trụ, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, sử dụng nguồn năng lượng mới, công nghệ sinh học...

GV bổ sung Những thành tựu cơ bản

Internet

Tiền thân của mạng Internet ngày nay là mạng ARPANET. Cơ quan quản lý dự án nghiên cứu phát triển ARPA thuộc bộ quốc phòng Mỹ liên kết 4 địa điểm đầu tiên vào tháng 7 năm 1969 bao gồm: Viện nghiên cứu Stanford, Đại học California, Los Angeles, Đại học Utah và Đại học California, Santa Barbara. Đó chính là mạng liên khu vực (Wide Area Network - WAN) đầu tiên được xây dựng.

Mốc lịch sử quan trọng của Internet được xác lập vào giữa thập niên 1980 khi tổ chức khoa học quốc gia Mỹ NSF thành lập mạng liên kết các trung tâm máy tính lớn với nhau gọi là NSFNET. Nhiều doanh nghiệp đã chuyển từ ARPANET sang NSFNET và do đó sau gần 20 năm hoạt động, ARPANET không còn hiệu quả đã ngừng hoạt động vào khoảng năm 1990.

WWW là viết tắt của cụm từ World Wide Web hay còn hiểu là mạng lưới toàn cầu. Đây là nơi chứa thông tin, tài liệu và nguồn tài nguyên của mọi website trên toàn cầu.

Người sáng lập World Wide Web: Berners - Lee

Sinh ngày 9-6-1955 tại London

- 1976 tốt nghiệp Oxford

- 1980 làm việc cho CERN, viết “Enquire”

- 1989 đề xuất dự án siêu văn bản toàn cầu gọi là “World Wide Web”

- 1991 web khởi sự hoạt động trên Internet
- 1993 Trường đại học Illinois tung ra phần mềm browser Mosaic
- 1994 gia nhập MIT, lãnh đạo tổ hợp W3
- 1999 đến nay có khoảng 150 triệu người nối mạng Internet mỗi tuần

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

HS tham gia trò chơi: Ai là triệu phú

Câu 1: Máy tính nào được coi là cha đẻ của máy tính hiện đại.

A. Apple.

B. Sam Sung

C. Eniac

D. Lenovo

Câu 2: Ý nào KHÔNG phản ánh đúng bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba:

A. Những tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào đầu thế kỉ XX

B. Xu thế toàn cầu hóa

C. Sự vơi cạn các nguồn tài nguyên hóa thạch

D. Cuộc chạy đua vũ trang giữa các cường quốc

Câu 3: Cách mạng công nghiệp lần thứ ba khởi đầu từ nước nào?

A. Anh

B. Pháp

C. Đức

D. Mỹ

Câu 4: Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. Kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất

- B. Sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học-công nghệ
- C. Mọi phát minh đều bắt nguồn từ sản xuất
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

Câu 5: Ai là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng?

- A. U Ga-ga-rin
- B. Phạm Tuân
- C. Bu A-đin
- D. Neo Am-strong

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	C	D	D	B	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

- + Phát vấn
- + Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Hãy chọn và kể tên một số thành tựu cách mạng công nghiệp lần thứ ba có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển văn minh thế giới. Hãy giải thích lí do lựa chọn của em.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

BÀI 9: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại
- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư
- Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- + Góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

? Xem video và cho biết: Điểm khác biệt cơ bản của robot Sophia với các robot trước đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

a. Mục tiêu: - Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

? Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 9.2, hãy trình bày bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?



Sơ đồ 9.2. Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu cơ bản

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

- + Nhóm 1: Trình bày khái niệm và thành tựu về trí tuệ nhân tạo
- + Nhóm 2: Trình bày những thành tựu về internet kết nối vạn vật
- + Nhóm 3: Trình bày khái niệm và những thành tựu về dữ liệu lớn (Big data)
- + Nhóm 4: Trình bày những thành tựu về Công nghệ sinh học và các lĩnh vực khác

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

2. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.1. Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ thế kỷ XXI, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Anh, Pháp,... tiếp tục là những quốc gia đi đầu trong cuộc cách mạng này.

2.2. Những thành tựu cơ bản

a. Trí tuệ nhân tạo

- Trí tuệ nhân tạo là khoa học và kỹ thuật sản xuất máy móc thông minh
- Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như nhà máy thông minh, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, xây dựng...

b. Internet kết nối vạn vật

- Là mối quan hệ giữa các sự vật như sản phẩm, dịch vụ, địa điểm...và con người, hình thành nhờ sự kết nối của nhiều công nghệ và nhiều nền tảng khác nhau.

c. Dữ liệu lớn

- Là một tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp bao gồm các khâu phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.

- Được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải, quản lí nhà nước...

d. Công nghệ sinh học

- Công nghệ sinh học và sự phát triển của các ngành, đa ngành cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực vật lý, máy in 3D, công nghệ na-nô...

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

HS tham gia trò chơi: Đào vàng

Câu 1: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cuộc cách mạng kết hợp giữa các công nghệ ảo và thực tế, thông qua các công nghệ nào?

Câu 2: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ thế kỷ nào?

Câu 3: Nguồn gốc chung của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử là:

Câu 4: Trong các phát minh sau, phát minh nào không phải là thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

A. Trí tuệ nhân tạo

B. Internet

C. Dữ liệu lớn

D. Điện toán đám mây

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật và dữ liệu lớn.

Câu 2: Thế kỉ XXI

Câu 3: Nhu cầu ngày càng cao của cuộc sống và sản xuất

Câu 4: B

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Hằng ngày, gia đình, bạn bè và bản thân em thường sử dụng thiết bị điện tử nào? Theo em sự ra đời của các thiết bị điện tử, hệ thống internet...có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hiện nay?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

BÀI 9: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại
- Nêu được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư
- Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Rèn luyện các kỹ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- + Góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

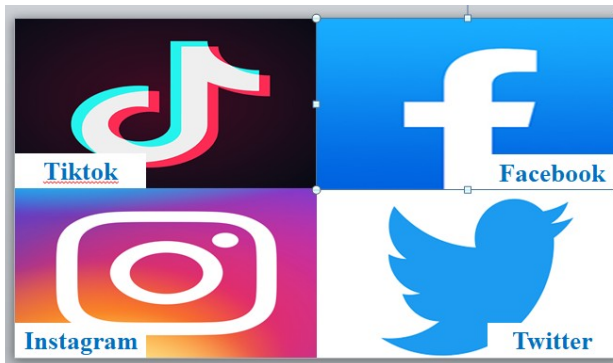
b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

? Nhìn logo đoán tên ứng dụng



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái độ đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Ý nghĩa

GV chia HS thành 6 nhóm thực hiện nhiệm vụ

- + Nhóm 1,2: Trình bày ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại?
- + Nhóm 3,4: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với xã hội?
- + Nhóm 5,6: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với văn hóa

Nhiệm vụ 2: Tác động

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

- + Nhóm 1: Trình bày khái niệm và thành tựu về trí tuệ nhân tạo
- + Nhóm 2: Trình bày những thành tựu về internet kết nối vạn vật
- + Nhóm 3: Trình bày khái niệm và những thành tựu về dữ liệu lớn (Big data)
- + Nhóm 4: Trình bày những thành tựu về Công nghệ sinh học và các lĩnh vực khác

? THẢO LUẬN

Các bạn nam

- Một ngày em chơi game/ lên mạng xã hội khoảng trung bình khoảng bao nhiêu thời gian?
- Theo em, chơi game có lợi và có hại gì?

Các bạn nữ

- Một ngày em lên các trang (app) mạng xã hội khoảng trung bình khoảng bao nhiêu thời gian?
- Em suy nghĩ gì về hiện tượng “Sống ảo” hiện nay?
- Em suy nghĩ gì về câu nói “ mạng xã hội là con dao hai lưỡi” ?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

3. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư

3.1 Ý nghĩa

- Tạo ra các ngành sản xuất tự động, năng suất lao động tăng cao. Có thể giải quyết một tổ hợp lớn các bài toán sản xuất công nghiệp hiện đại và đem lại hiệu quả kinh tế to lớn
- Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã đưa nhân loại sang nền văn minh thông tin
- Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

3.2 Tác động

a. Đối với xã hội

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến xã hội với sự xuất hiện của giai cấp công nhân hiện đại.
- Giai cấp công nhân tiếp tục giữ vai trò là lực lượng chính trị - xã hội chủ yếu trong cuộc đấu tranh chính trị
- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư tác tiêu cực như gia tăng khoảng cách giàu nghèo, xói mòn bản sắc văn hóa....

b. Đối với văn hóa

- Tích cực:

- + Mở rộng mối giao lưu và quan hệ giữa con người với con người
- + Thúc đẩy các cộng đồng, các dân tộc, các nền văn hóa xích lại gần nhau hơn.
- + Đưa tri thức thâm nhập sâu vào nền sản xuất vật chất
- + Tác động mạnh mẽ đến xu hướng tiêu dùng của người dân

- Tiêu cực:

- Làm tăng sự lệ thuộc của con người vào công nghệ
- Phát sinh tình trạng văn hóa “lai căng”
- Nguy cơ đánh mất văn hóa truyền thống
- Xung đột giữa nhiều yếu tố, giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Lập bảng thống kê về những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại theo gợi ý dưới đây?

STT	Tên thành tựu	Tên tác giả	Thời điểm ra đời	Quốc gia xuất hiện đầu tiên	Lĩnh vực	Ý nghĩa (tại thời điểm xuất hiện và hiện nay)
1						
2						

3						
---	--	--	--	--	--	--

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Qua việc học trên lớp và quan sát đời sống xung quanh, em hãy chỉ ra những tác động tích cực và tiêu cực của một phát minh trong cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại. Theo em, chúng ta có thể hạn chế/ tránh được những mặt tiêu cực của phát minh đó hay không? Hãy lấy ví dụ để chứng minh cho quan điểm trên

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 5: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á

BÀI 11: HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI (T1)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại trên đường thời gian.
- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ- trung đại.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á thời kì cổ Trung đại, tham gia bảo tồn các di sản văn minh ở Đông Nam Á nói chung và ở Việt nam nói riêng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên:**

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Đây là sự kiện Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS Nhìn vào hình lá cờ, trang phục, truyền thống đoán tên quốc gia?





Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á diễn ra như thế nào? Trong quá trình đó, văn minh Đông Nam Á đã đạt được những thành tựu tiêu biểu gì? Chúng ta cùng hiểu qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á

- a. Mục tiêu:** Trình bày được các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại trên đường thời gian.
- b. Nội dung :** Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi

GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:

- ? Hãy chỉ ra những đặc trưng cơ bản nhất của văn minh Đông Nam Á trong từng giai đoạn?
- ? Kể tên 1 số quốc gia Đông Nam Á ra đời từ đầu công nguyên đến thế kỉ VII?
- ? Kể tên 1 số quốc gia Đông Nam Á ra đời từ thế kỉ VII đến thế kỉ X?
- ? Kể tên 1 số quốc gia Đông Nam Á ra đời từ thế kỉ X đến thế kỉ XV?
- ? Theo em những quốc gia nào chịu ảnh hưởng đậm nét và sâu sắc của nền văn minh Ấn Độ và Trung Quốc

Nhiệm vụ 2: Làm bài tập

- GV yêu cầu HS nối cột các dữ liệu sao cho hợp lí

1.Hà Lan	a. Miến Điện, Mã Lai
2.Pháp	b. Đông-ti-mo
3.Anh	c. In-nô-nê-xi-a
4.Tây Ban Nha	d.Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia
5.Bồ Đào Nha	e. Phi-lip-pin

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

? Hãy chỉ ra những đặc trưng cơ bản nhất của văn minh Đông Nam Á trong từng giai đoạn?

- Từ đầu công nguyên đến thế kỉ X: Sự ra đời và bước đầu phát triển của các nhà nước là thành tựu văn minh nổi bật nhất trong giai đoạn này.

- Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV: Sự hoàn thiện của các nhà nước quân chủ với nền kinh tế phát triển thịnh đạt và xã hội ổn định đã đưa văn minh Đông Nam bước vào giai đoạn phát triển rực rỡ

- **Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX:** Đây là giai đoạn khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia phong kiến.

? Kể tên 1 số quốc gia Đông Nam Á ra đời từ đầu công nguyên đến thế kỉ VII?

Phù Nam, Chăm-pa, Ta-ru-ma, Ma-lay-u, ...

? Kể tên 1 số quốc gia Đông Nam Á ra đời từ thế kỉ VII đến thế kỉ X?

Đại Cồ Việt, Ha-ri-pun-giay-a, Su-khô-thay...

? Kể tên 1 số quốc gia Đông Nam Á ra đời từ thế kỉ X đến thế kỉ XV?

Đại Việt, Ăng-co, Chăm Pa,...

? Theo em những quốc gia nào chịu ảnh hưởng đậm nét và sâu sắc của nền văn minh Ấn Độ và Trung Quốc

Các quốc gia như Thái Lan, Lào, Căm-pu-chia là nước chịu ảnh hưởng sớm và sâu sắc nhất của nền văn minh Ấn Độ

Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng sớm và sâu sắc nhất của nền văn minh Trung Hoa

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á

- **Từ đầu công nguyên đến thế kỉ X:** Gắn với sự ra đời và bước đầu phát triển của các nhà nước.
- **Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV:** Gắn với sự hoàn thiện của các nhà nước quân chủ với nền kinh tế phát triển thịnh đạt và xã hội ổn định. Định hình bản sắc với những thành tựu đặc sắc và sáng tạo.
- **Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX:** Là giai đoạn khủng hoảng và suy vong. Sự du nhập của văn hóa phương Tây đem đến nhiều yếu tố văn hóa mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên giao bài tập cho HS

Xây dựng trục thời gian về hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ Trung đại.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS : Tìm hiểu về sự ra đời và quá trình phát triển của 1 vương cổ em yêu thích.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 11: HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại trên đường thời gian.
- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ- trung đại.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á thời kì cổ Trung đại, tham gia bảo tồn các di sản văn minh ở Đông Nam Á nói chung và ở Việt nam nói riêng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu.

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới
- b. Nội dung :** Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem đoạn video về các công trình kiến trúc của các nước Đông Nam Á và hỏi:
? Các công trình này thuộc nền văn minh của quốc gia nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi: Angkor Wat - Campuchia, Chùa Vàng Shwedagon - Myanmar, Thạt Luổng - Lào, Đền Borobudur - Indonesia



- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức bài cũ về “Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á”. HS trả lời, nhắc lại kiến thức cũ.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại.

- a. Mục tiêu:** Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.
- b. Nội dung :** Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên (Bài tập GV giao cho HS về nhà làm).
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia cả lớp làm 3 nhóm thông qua làm bài tập về nhà giáo viên đã giao và yêu cầu đại diện 3 nhóm lên trình bày:

Nhóm 1: Tín ngưỡng và tôn giáo

Nhóm 2: Văn tự và văn học

Nhóm 3: Kiến trúc và điêu khắc

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

Nhóm 1: Tín ngưỡng và tôn giáo.

Đại diện nhóm 1 lên trình bày phần chuẩn bị của mình.

GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Nhóm 2: Văn tự và văn học.

Đại diện nhóm 2 lên trình bày phần chuẩn bị của mình.

Nhóm 3: Kiến trúc và điêu khắc.

Đại diện nhóm 3 lên trình bày phần chuẩn bị của mình.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trình bày phần chuẩn bị của mình

Dự kiến sản phẩm

1. Em hiểu như thế nào là tín ngưỡng?

Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.

Tín ngưỡng thờ thần tự nhiên: Tôn thờ các hiện tượng tự nhiên, sức mạnh tự nhiên. Quan niệm về linh hồn và thể xác ở con người khi hình thành sớm và bắt rễ sâu trong tâm thức người dân Đông Nam Á.

Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên: Trên mặt trống đồng Đông Sơn xen kẽ giữ các tia mặt trời là các hình tượng sinh thực khi nam nữ cách điệu hóa những hình cóc trên mặt trống đồng làm rõ ý nghĩa cầu mưa của những “trống sấm” thời Đông Sơn.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, người có công với nước, với dân: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trở thành một đạo lý trong cuộc sống, phát triển và mở rộng thành tín ngưỡng thờ người có công với làng, với nước, thờ Thành hoàng làng.

2. Lấy 2 ví dụ về các tín ngưỡng ở khu vực Đông Nam Á:

Tín ngưỡng được thể hiện qua các bài thơ:

Thờ cha kính mẹ hết lòng,

Ấy là chữ Hiếu, dạy trong luân thường.

Thảo thơm, sau trước nhịn nhường,

Nhường anh nhường chị, lẫn nhường người trên.

Ghi lòng tạc dạ chó quên,

Con em phải giữ, lấy nền con em.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại.

2.1 Tín ngưỡng và tôn giáo.

- Tín ngưỡng

- + Tín ngưỡng ở khu vực Đông Nam Á gắn liền với quá trình sản xuất, sinh sống của cư dân Đông Nam Á.
- + Tín ngưỡng Đông Nam Á: Tín ngưỡng thờ thần tự nhiên, thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ cúng người đã mất.

- Tôn giáo.

- + Đông Nam Á là nơi hội tụ các tôn giáo lớn của thế giới là Phật giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo.
- + Một số tôn giáo đã trở thành quốc giáo ở các quốc gia Đông Nam Á trong một thời gian dài.

2. Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại.

2.2. Văn tự và văn học.

- Văn tự

- + Cư dân ĐNA đã sáng tạo ra chữ viết riêng trên cơ sở tiếp thu hệ thống của Ấn Độ như người Chăm, Khơ-me....
- + Người Việt tiếp thu một phần chữ Hán của Trung Quốc và sáng tạo ra chữ Nôm.

- Văn học.

- + ĐNA có một kho tàng văn học dân gian và văn học viết rất phong phú và đa dạng về thể loại.
- + Văn học ĐNA chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học Ấn Độ và Trung Quốc, Ả Rập và phương Tây..

2.3. Kiến trúc và điêu khắc.

- Kiến trúc

+ Nghệ thuật kiến trúc ở ĐNA phát triển mạnh và đạt được nhiều thành tựu ở cả ba dòng kiến trúc: Dân gian, tôn giáo và cung đình

- Điêu khắc

+ Nghệ thuật điêu khắc ĐNA đạt đến trình độ cao với nhiều tác phẩm được chạm khắc công phu, độc đáo và chịu ảnh hưởng từ Ấn Độ và Trung Quốc.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên yêu cầu HS tham gia trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Đô thị cổ Ba-gan nay thuộc đất nước nào?

- A. Việt Nam
- B. Lào
- C. Mi-an-ma
- D. Thái Lan

Câu 2: Tôn giáo dưới đây ảnh hưởng ở Đông Nam Á về chữ viết và kiến trúc?

- A. Nho giáo
- B. Đạo giáo
- C. Phật giáo
- D. Hồi giáo

Câu 3: Chữ viết nào ở bên ngoài ảnh hưởng vào trước khi cư dân ĐNA có chữ viết?

- A. Chữ Phạn, chữ Hán
- B. Chữ Latinh

C. Chữ La Mã

D. Chữ Mông Cổ

Câu 4: Trên cơ sở chữ Hán, người Việt đã sáng tạo ra chữ gì?

A. Chữ Chăm-pa

B. Chữ Phạn

C. Chữ Latinh

D. Chữ Nôm

Câu 5: Các công trình kiến trúc, điêu khắc ở Đông Nam Á thời kì này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa nào?

A. Anh, Pháp

B. Ấn Độ, Trung Quốc

C. Hy Lạp, Rô ma

D. Ai Cập

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	C	C	A	D	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS : Nếu được tham gia “Tàu Thanh niên Đông Nam Á – Nhật Bản”, em sẽ lựa chọn thành tựu nào về văn minh Đông Nam Á để chia sẻ với bạn bè quốc tế? Vì sao?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 12: VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Nhận thức được giá trị trường tồn của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức trân trọng và có trách nhiệm góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức: Truyền thuyết Lạc Long Quân – Âu cơ

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS Xem video và hỏi: Nội dung của đoạn phim nhắc đến truyền thuyết nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Cơ sở hình thành

a. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Điều kiện tự nhiên

GV yêu cầu HS

? Đọc thông tin và quan sát lược đồ hãy nêu cơ sở điều kiện tự nhiên hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

Nhiệm vụ 2: Cơ sở xã hội

? Đọc thông tin và quan sát lược đồ hãy nêu cơ sở điều kiện xã hội hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Hãy nêu cơ sở điều kiện tự nhiên hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

- Vị trí địa lí (tiếp giáp với Trung Quốc, giáp biển) => Thuận lợi giao lưu với các nền văn minh khác.

- Sông ngòi: có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Cả,.. => Bồi đắp nên những đồng bằng màu mỡ, phì nhiêu thuận lợi cư dân sinh sống thành các làng.

- Chịu ảnh hưởng của nhiệt đới gió mùa => Đặc điểm nóng, ẩm, mưa nhiều theo mùa là yếu tố thuận lợi để cư dân trồng trọt, chăn nuôi

- Đây cũng là khu vực có sự giàu có về khoáng sản => là cơ sở cho sự ra đời sớm của các ngành thủ công nghiệp như luyện kim, chế tác đồ đồng.

? Hãy nêu cơ sở điều kiện xã hội hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

- Nền kinh tế nông nghiệp chuyển từ cuộc sang cày góp phần tăng hiệu quả sản xuất

- Xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội: quý tộc, nông dân và nô tỳ.

- Quý tộc là tầng lớp có thế lực, nông dân là tầng lớp chiếm đại đa số và sản xuất chính, nô tỳ là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội.

- Quá trình giao lưu và trao đổi sản vật đã hình thành mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Cơ sở hình thành

1.1 Điều kiện tự nhiên

- Xuất hiện các tầng lớp xã hội: Tầng lớp quý tộc, nông dân tự do, nô tì.
- Quá trình giao lưu, trao đổi sản phẩm đã hình thành mối liên kết cộng đồng cư dân Việt cổ và thúc đẩy sự ra đời của nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc.

1.2 Cơ sở xã hội

- Xuất hiện các tầng lớp xã hội: Tầng lớp quý tộc, nông dân tự do, nô tì.
- Quá trình giao lưu, trao đổi sản phẩm đã hình thành mối liên kết cộng đồng cư dân Việt cổ và thúc đẩy sự ra đời của nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc.

2. Những thành tựu tiêu biểu

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Đời sống vật chất

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập

Nghề sản xuất chính	Nguồn lương thực	Trang phục	Nơi ở	Phương tiện đi lại
Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

Nghề sản xuất chính	Nguồn lương thực	Trang phục	Nơi ở	Phương tiện đi lại
---------------------	------------------	------------	-------	--------------------

Nghề nông trồng lúa nước, trồng dâu...	- Thức ăn chính là gạo nếp, gạo tẻ, rau, cá, muối...	Nam đóng khổ, đi chân đất - Nữ mặc váy, có yếm che -Tóc để ngang vai, búi tó hoặc tết đuôi sam	Nhà sàn mái cong, mái tròn	Chủ yếu bằng thuyền.
Nghề luyện kim, đúc đồng...	- Ngày lễ tết có thêm bánh chưng, bánh giầy, ...	Dịp lễ hội: đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức,...	Thường làm nhà ở vùng đất cao ven sông	

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Những thành tựu tiêu biểu

2.1: Đời sống vật chất

- Nguồn lương thực, thực phẩm chủ yếu của cư dân: Gạo nếp, gạo tẻ, các loại rau, củ quả, gia súc, gia cầm...
- Trang phục nam thường đóng khổ, nữ mặc váy và đều đi chân đất.
- Nhà ở phổ biến là kiểu nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá.
- Phương thức di chuyển bằng thuyền, bè.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi

Luật chơi: Có 6 bánh chưng tương ứng với 6 câu hỏi. Học sinh sẽ chọn bất kì cái bánh chưng. Nếu trả lời đúng thì được 1 điểm cộng. Nếu trả lời sai sẽ nhường cơ hội lại cho bạn khác trả lời.

Câu 1: Văn minh Văn Lang- Âu Lạc còn có tên gọi khác là:

- A. Văn minh sông Mã
- B. Văn minh sông Hồng
- C. Văn minh sông Cả
- D. Văn minh sông Lô

Câu 2: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc hình thành chủ yếu trên phạm vi lưu vực sông:

- A. Sông Hồng, sông Mã, sông Cửu Long
- B. . Sông Hồng, sông Mã, sông Lê Thủy
- C. Sông Hồng, sông Mã, sông Hương
- D. Sông Hồng, sông Mã, sông Cả

Câu 3: Cơ sở hình thành Văn Lang – Âu Lạc gắn liền với sự phát triển của nền văn hóa nào?

- A. Đồng Nai
- B. Óc - eo
- C. Đông Sơn
- D. Sa Huỳnh

Câu 4: Cư dân Văn Lang – Âu Lạc không có tập quán:

- A. Làm nhà trên sông nước
- B. Ở nhà sàn
- C. Nhuộm răng đen, ăn trầu
- D. Nữ mặc váy, nam đóng khố

**Câu 5. “Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ.....”**

- A. 8/3
- B. 9/3
- C. 10/3
- D. 11/3

Câu 6: Nghề chính của cư dân văn Lang là:

- A. Trồng khoai
- B. Trồng ngô
- C. Trồng lúa nước
- D. Trồng rau

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	A	C	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS : Hãy đóng vai 1 hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu về:

Nhóm 1: Trống đồng Đông Sơn

Nhóm 2: Tháp Đồng Đào Thịnh

Nhóm 3: Lễ hội đền Hùng

Nhóm 4: Kỹ thuật luyện kim

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 12: VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC (T2,3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Nhận thức được giá trị trường tồn của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức trân trọng và có trách nhiệm góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.

- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV tổ chức trò chơi: Lật mảnh ghép

Câu 1: Phương tiện đi lại của cư dân Văn Lang Âu Lạc là

Câu 2: Văn minh Văn Lang- Âu Lạc còn có tên gọi khác là:

Câu 3: Nghề chính của cư dân văn Lang – Âu Lạc là:

Câu 4: Cơ sở hình thành Văn Lang – Âu Lạc gắn liền với sự phát triển của nền văn hóa nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: Thuyền, bè

Câu 2: Văn minh sông Hồng

Câu 3: Trồng lúa nước

Câu 4: Đông Sơn

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Những thành tựu tiêu biểu

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Đời sống tinh thần

GV yêu cầu HS

? Đọc thông tin và quan sát lược đồ hãy nêu những thành tựu tiêu biểu về đời sống tinh thần của cư dân nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

? Đoán tên các phong tục tập quán Của cư dân Văn Lang

? Những câu truyện, truyền thuyết nào cho em biết điều đó?

? Theo em, những phong tục này hiện nay còn tồn tại không ?

? Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hàng năm có ý nghĩa như thế nào?

? Em có nhận xét gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ?



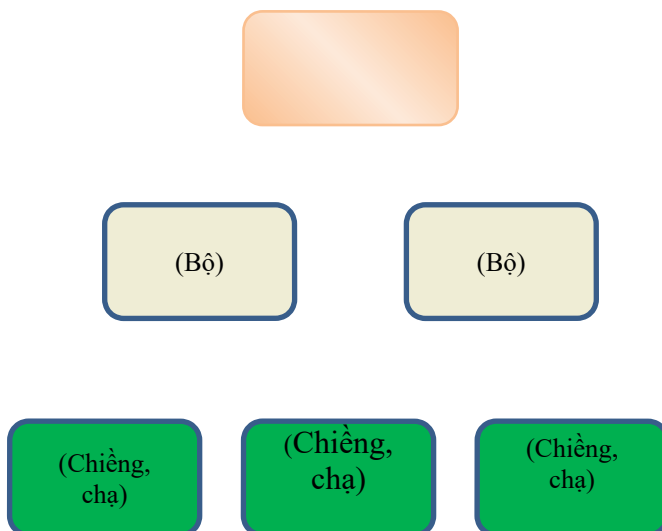
Nhiệm vụ 2: Tổ chức xã hội và nhà nước

Dựa vào tư liệu trong sách giáo khoa, bản đồ và đoạn clip hãy hoàn thành bảng sau

Nội dung	Nước Văn Lang
Thời gian	
Nguyên nhân ra đời	
Địa điểm	
Người đứng đầu	
Kinh đô	

? Ý nghĩa của sự ra đời nhà nước Văn Lang?

? Đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, Sau đó lên bảng hoàn thành sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang.



? Em nhận xét gì về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang ?

? Dựa vào tư liệu trong sách giáo khoa, bản đồ và đoạn clip hãy hoàn thành bảng sau

Nội dung	Nước Âu Lạc
Thời gian	
Bối cảnh ra đời	
Người đứng đầu	
Kinh đô	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

Dựa vào tư liệu trong sách giáo khoa, bản đồ và đoạn clip hãy hoàn thành bảng sau

Nội dung	Nước Văn Lang
Thời gian	- Khoảng thế kỉ VII TCN.
Nguyên nhân ra đời	- Sự phân hóa giàu, nghèo => Xã hội nảy sinh mâu thuẫn. - Nhu cầu thủy lợi và chống giặc ngoại xâm.
Địa điểm	- Lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.
Người đứng đầu	- Hùng Vương (vua Hùng).
Kinh đô	- Phong Châu (Phú Thọ ngày nay).

Ý nghĩa của sự ra đời nhà nước Văn Lang => Mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

? Dựa vào tư liệu trong sách giáo khoa, bản đồ và đoạn clip hãy hoàn thành bảng sau

Nội dung	Nước Âu Lạc
Thời gian	Khoảng 208 TCN
Bối cảnh ra đời	Cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi
Người đứng đầu	Thục Phán (An Dương Vương)
Kinh đô	Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Những thành tựu tiêu biểu

2.2 Đời sống tinh thần

- Nền văn minh văn Lang – Âu lạc đã đạt đến trình độ thẩm mỹ và tư duy khá cao qua nghệ thuật điêu khắc, luyện kim....
- Âm nhạc, ca múa có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc.
- Tín ngưỡng sùng bái các lực lượng tự nhiên. Phong tục tập quán có những nét đặc sắc.

2.3. Tổ chức xã hội và nhà nước

- Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỉ thứ VII TCN. Tổ chức nhà nước còn đơn giản.
- Khoảng 208 TCN, nhà nước Âu Lạc ra đời. Tiếp tục kế thừa về tổ chức bộ máy chính quyền của nước Văn Lang.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS Tham gia trò chơi Món quà giáng sinh

Câu 1. Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng năm bao nhiêu ?

Câu 2. Nhà nước đầu tiên của nước ta là:

Câu 3. Kinh đô nước Âu Lạc đóng ở?

Câu 4. Nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

Câu 5: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” - Đây là câu nói của ai?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: 208 TCN

Câu 2. Văn Lang

Câu 3. Cổ Loa

Câu 4. Phong Châu (Phú Thọ ngày nay)

Câu 5: Hồ Chí Minh

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Hãy đóng vai 1 hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu về: Các câu chuyện cổ tích, thần thoại thời Văn Lang - Âu Lạc

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY:

Bài 13: VĂN MINH CHĂM PA, VĂN MINH PHÙ NAM

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được cơ sở hình thành và trình bày được những thành tựu tiêu biểu của của văn minh Chăm-pa, văn minh Phù Nam.
- Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.

- Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.

- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức: Thánh địa Mỹ Sơn

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Theo dõi đoạn phim tư liệu dưới đây và cho biết đoạn phim em vừa xem nhắc đến quần thể công trình kiến trúc đặc sắc nào ở nước ta?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**1. Văn minh Chăm - pa**

a. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành và trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Chăm-pa.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**Nhiệm vụ 1: Cơ sở hình thành**

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập

Điều kiện tự nhiên	Nội dung
Vị trí địa lí	
Sông ngòi	
Địa hình	

? Đọc thông tin và quan sát lược đồ hãy nêu cơ sở dân cư hình thành nền văn minh Chăm – pa ?

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu tiêu biểu

? Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất của nền văn minh Chăm-pa?

? Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu về đời sống tinh thần của nền văn minh Chăm-pa?

Lĩnh vực	Thành tựu
----------	-----------

<i>Chữ viết</i>	
<i>Tín ngưỡng</i>	
<i>Tôn giáo</i>	
<i>Âm nhạc và ca múa</i>	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

Phiếu học tập

Điều kiện tự nhiên	Nội dung
Vị trí địa lí	Hình thành trên vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung Việt Nam ngày nay.
Sông ngòi	Những đồng bằng màu mỡ ven sông Thu Bồn.
Địa hình	Có địa hình đan xen khu vực cao nguyên với đồng bằng nhỏ hẹp.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Văn minh Chăm - pa

1.1 Cơ sở hình thành

- Điều kiện tự nhiên

+ Vị trí địa lí: Hình thành trên vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung Việt Nam ngày nay.

+ Sông ngòi: Những đồng bằng màu mỡ ven sông Thu Bồn.

+ Địa hình: Có địa hình đan xen khu vực cao nguyên với đồng bằng nhỏ hẹp.

- Dân cư

+ Cư dân bản địa là người nói tiếng Môn cổ. Bên cạnh đó có sự xuất hiện cư dân nói tiếng Mã lai – Đa Đảo

=> Đây chính là chủ nhân đầu tiên của văn minh Chăm – pa.

1.2 Những thành tựu tiêu biểu

- Đời sống vật chất

+ Thức ăn của cư dân Chăm- pa: Gạo nếp, gạo tẻ, Các loại gia súc, gia cầm, Nguồn hải sản đa dạng.

+ Hoạt động kinh tế thủ công nghiệp: Sản xuất gốm, Chế tác đồ trang sức, Đóng thuyền, Dệt vải.

+ Trang phục: Nam, nữ thường quần ngang rắm vải từ lưng trở xuống, tai đeo trang sức.

- Đời sống tinh thần

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	- Chữ Chăm ra đời trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn. Văn học dân gian và văn học viết song hành cùng tồn tại.
Tín ngưỡng	Cư dân Chăm-pa có tục thờ cúng tổ tiên, chôn cất người chết trong các mộ chum.
Tôn giáo	Chịu ảnh hưởng của tôn giáo Ấn Độ: Bà La Môn và Phật giáo
Âm nhạc và ca múa	Phát triển với các nhạc cụ như đàn cầm, trống, kèn...nhiều điệu múa Áp-sa-ra....

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS Tham gia trò chơi giải cứu những chú chim

Câu 1. Những di sản kiến trúc còn lại của Chăm-pa ngày nay chủ yếu là

- A. Công trình đền tháp
- B. Nhà Sàn
- C. Tượng phật.
- D. Đầu rồng bằng đá.

Câu 2: Những tôn giáo chủ yếu nào đã được du nhập từ bên ngoài vào Vương quốc Chăm-pa?

- A. Hồi giáo
- B. Nho giáo
- C. Đạo giáo.
- D. Phật giáo và Ấn Độ giáo

Câu 3: Văn hóa Chăm-pa chịu ảnh hưởng đậm nét của nền văn hóa nào trên thế giới?

- A. Trung Quốc.
- B. Ấn Độ.
- C. Ai Cập.
- D. Ả Rập.

Câu 4: Người Chăm sáng tạo ra chữ viết của mình trên cơ sở chữ viết nào?

- A. Chữ tượng hình.
- B. Chữ La Mã.
- C. Chữ Phạn.
- D. Chữ hình nêm.

Câu 5: Để phục vụ cho nghi lễ tôn giáo, cư dân Chăm-pa đã sáng tạo ra

- A. Điệu múa Chăm.
- B. Cồng chiêng.
- C. Trống đồng.
- D. Tượng các vị thần

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	D	B	C	A

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Hãy sưu tầm, giới thiệu một di sản văn minh Chăm – pa và cho biết cảm nhận của em về di sản đó?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 13: VĂN MINH CHĂM – PA, VĂN MINH PHÙ NAM (T2, 3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được cơ sở hình thành và trình bày được những thành tựu tiêu biểu của của văn minh Chăm-pa, văn minh Phù Nam.
- Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.
- Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.

- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức: Nền văn minh Phù Nam

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem đoạn video và hỏi: Đoạn video đang nói đến nền văn hóa nào ở nước ta?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Văn minh Phù Nam

a. Mục tiêu: Nêu được cơ sở hình thành và trình bày được những thành tựu tiêu biểu của của văn minh Phù Nam.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Cơ sở hình thành

GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập

Điều kiện tự nhiên	Nội dung
Vị trí địa lí	
Sông ngòi	
Địa hình	

? Quan sát lược đồ, em hãy cho biết Vương quốc Phù Nam xưa nằm trên địa bàn các quốc gia nào ngày nay?



? Đọc thông tin và quan sát lược đồ hãy nêu cơ sở dân cư hình thành nền văn minh Phù Nam?

Nhiệm vụ 2: Những thành tựu tiêu biểu

? Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất của nền văn minh Phù Nam?

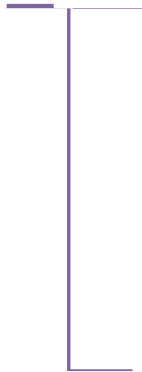
	Nội dung
Nguồn lương thực	
Trang phục	
Nhà ở	
Đi lại	

? Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu về đời sống tinh thần của nền văn minh Phù Nam?

Lĩnh vực	Thành tựu
<i>Chữ viết</i>	
<i>Tín ngưỡng</i>	
<i>Tôn giáo</i>	

? Vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước và kể tên các tầng lớp trong tổ chức xã hội của nền văn minh Phù Nam?

? Dựa vào thông tin SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ tổ chức xã hội Phù Nam.



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

Phiếu học tập

Điều kiện tự nhiên	Nội dung
Vị trí địa lí	Hình thành trên lưu vực châu thổ sông Cửu Long. Tiếp giáp biển.
Sông ngòi	Sông Cửu Long với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
Địa hình	Địa hình khu vực thấp, nguồn nước dồi dào.

Dựa vào thông tin SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ tổ chức xã hội Phù Nam.



Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Văn minh Phù Nam

2.1 Cơ sở hình thành

- Điều kiện tự nhiên

- + Vị trí địa lí: Hình thành trên lưu vực châu thổ sông Cửu Long. Tiếp giáp biển.
- + Sông ngòi: Sông Cửu Long với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- + Địa hình: Địa hình khu vực thấp, nguồn nước dồi dào.

- Dân cư

- + Cư dân bản địa là người nói tiếng Môn cổ kết hợp với một bộ phận cư dân đến từ bên ngoài.

=> Đây chính là chủ nhân của nền văn minh Phù Nam

2.2 Những thành tựu tiêu biểu

- Đời sống vật chất

- + Thức ăn của cư dân Phù Nam: Gạo nếp, gạo tẻ, Các loại gia súc, gia cầm, Nguồn hải sản đa dạng.
- + Trang phục: Trang phục phổ biến là mặc áo chui đầu hoặc ở trần, dùng vải quấn làm váy, người đi chân đất hoặc đi dép.
- + Nhà ở: Nhà chủ yếu nhà sàn bằng gỗ
- + Đi lại: Chủ yếu bằng thuyền, bè trên kênh rạch, sông, biển.

- Đời sống tinh thần

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	Cư dân Phù Nam đã sử dụng chữ viết từ sớm. Các loại văn tự giống chữ Hán, chữ Phạn.
Tín ngưỡng	Tín ngưỡng sùng bái núi thiêng và nàng công chúa.
Tôn giáo	Hin-đu giáo và Phật giáo được tôn sùng.

- Tổ chức xã hội và nhà nước

- + Theo thể chế quân chủ chuyên chế, vua là người có quyền lực tối cao. Giúp việc cho vua có hệ thống quan lại, tầng lớp.
- + Tổ chức xã hội là các xóm làng gồm nhiều gia đình có cùng huyết thống cùng sinh sống trên một khu vực,. Xóm làng có quan hệ lỏng lẻo và bị chia cắt bởi rừng rậm, đầm lầy.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS giải các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Những tôn giáo nào được du nhập và phát triển ở Phù Nam?

- A. Hồi giáo, Phật giáo
- B. Hin-đu giáo, Phật giáo
- C. Nho giáo, Đạo giáo
- D. Nho giáo, Phật giáo

Câu 2: Phương tiện di chuyển chủ yếu của cư dân Phù Nam là:

- A. Đi bộ
- B. Thuyền
- C. Xe bò
- D. Xe ngựa

Câu 3: Cư dân Phù Nam chịu ảnh hưởng tôn giáo chủ yếu từ nước nào?

- A. Ai Cập
- B. Thái Lan
- C. Ấn Độ
- D. Trung Quốc

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3
Đáp án	B	B	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều

nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Theo em nét văn hoá nào của cư dân Phù Nam xưa còn được lưu giữ trong đời sống của cư dân Nam Bộ ngày nay?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 14: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT (T1)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt.
- Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.
- Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên trục thời gian.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIỀN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức: Chiến thắng Bạch Đằng

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem hình ảnh và hỏi:

? Đây là chiến thắng lịch sử nào?





Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Trong Bình Ngô Đại cáo, thay lời Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã viết:

*“Nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục bắc nam cũng khác”*

Đó là lời khẳng định nền độc lập, tự chủ, truyền thống văn hiến và nền văn minh riêng của quốc gia Đại Việt.

Vậy thế nào là văn minh Đại Việt? Văn minh Đại Việt được hình thành trên cơ sở nào? Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt ra sao? Chsng ta cùng hiểu qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Khái niệm văn minh Đại Việt

- a. Mục tiêu:** Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt.
- b. Nội dung :** Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập nổi cột

1. Lý	a. Hồ Quý Ly
2. Trần	b. Lý Công Uẩn
3. Hồ	c. Trần Cảnh
4. Lê Sơ	d. Lê Lợi
5. Nguyễn	e. Nguyễn Ánh

? Đọc thông tin và kiến thức đã học em hãy cho biết: Quốc hiệu Đại Việt có từ khi nào? Gắn liền với các triều đại nào?

? Đọc thông tin và kiến thức đã học em hãy cho biết: Vì sao văn minh Đại Việt còn được gọi là văn minh Thăng Long?

? So sánh điểm giống và khác nhau giữa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc với văn minh Đại Việt?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến**Bài tập nổi cột**

1. Lý	b. Lý Công Uẩn
2. Trần	c. Trần Cảnh
3. Hồ	a. Hồ Quý Ly
4. Lê Sơ	d. Lê Lợi
5. Nguyễn	e. Nguyễn Ánh

? Đọc thông tin và kiến thức đã học em hãy cho biết: Quốc hiệu Đại Việt có từ khi nào? Gắn liền với các triều đại nào?

Năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu Đại Cồ Việt thành Đại Việt. Năm 1804, vua Gia Long đã đổi quốc hiệu thành Việt Nam. Mặc dù bị gián đoạn 7 năm dưới thời Hồ và 20 năm thuộc Minh nhưng cho đến nay, Đại Việt vẫn là Quốc hiệu tồn tại lâu dài nhất của Việt Nam.

GV mở rộng thông tin.

Lý Công Uẩn người châu Cổ Pháp (Từ Sơn - Bắc Ninh). Thuở nhỏ làm con nuôi nhà sư Lý Khánh Văn, theo học ở chùa Lục Tổ của sư Vạn Hạnh. Sau đó làm quan

cho nhà Lê, giữ đến chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân ở kinh đô Hoa Lư. Ông là người có học, có đức và có uy tín nên được triều thần nhà Lê quý trọng.

Lê Lợi sinh ngày 10-9-1385 (6-8 năm Ất Sửu) tại Lam Sơn (Kẻ Cham), nay thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, trong một gia đình "đời đời làm quân trưởng một phương".

Đầu năm 1416, tại núi rừng Lam Sơn trên đất Thanh Hóa, Lê Lợi cùng với 18 người bạn thân thiết, đồng tâm cứu nước đã làm lễ thề đánh giặc giữ yên quê hương.

Sau khi đuổi hết giặc Minh về nước, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế năm 1428, sáng lập ra vương triều Lê. Lê Lợi làm vua được 5 năm thì mất (1433), an táng tại Vĩnh Lăng, Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ.

? Đọc thông tin và kiến thức đã học em hãy cho biết: Vì sao văn minh Đại Việt còn được gọi là văn minh Thăng Long?

Do gắn liền với kinh đô chủ yếu là Thăng Long.

? So sánh điểm giống và khác nhau giữa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc với văn minh Đại Việt?

- **Giống nhau:** Đều là những giá trị vật chất, tinh thần do người Việt sáng tạo nên.

- **Khác nhau**

+ Văn Lang- Âu Lạc: là nền văn minh đầu tiên của người Việt.

+ Đại Việt: ra đời trên cơ sở kế thừa nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Khái niệm văn minh Đại Việt

- Văn minh Đại Việt là nền văn minh rực rỡ tồn tại và phát triển trong thời độc lập tự chủ của quốc gia Đại Việt (từ thế kỉ X –XIX).

2. Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm

+ Nhóm 1,2: Phân tích cơ sở hình thành văn minh Đại Việt dựa trên sự kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

+ Nhóm 3,4: Phân tích cơ sở hình thành văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở nền độc lập, tự chủ?

+ Nhóm 5,6: Phân tích cơ sở hình thành văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài?

Thảo luận cặp đôi:

? Trên cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt. Theo em, cơ sở nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

Trên cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt. Theo em, cơ sở nào là quan trọng nhất? Vì sao?

- Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt dựa trên cơ sở nền độc lập, tự chủ là quan trọng nhất

+ Có độc lập tự chủ thì mới có nhà nước.

+ Nhà nước có những chính sách phát triển những thành tựu văn minh.

+ Độc lập tự chủ tạo cơ sở tiếp thu văn hóa bên ngoài. Kế thừa phát huy những thành tựu văn minh Văn Lang- Âu Lạc.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt

- Dựa trên sự kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- Dựa trên cơ sở nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- Dựa trên cơ sở tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS giải các câu hỏi

Câu 1. Trước khi đổi tên dưới thời nhà Lý thành Thăng Long có tên gọi là gì?

Câu 2: Dưới đây là địa điểm lịch sử nào?



Câu 3: Những dữ kiện sau đây nhắc em nhớ tới cái gì?

1. Được gọi là áng “Thiên cổ hùng văn”
2. Do Lý Công Uẩn soạn thảo
3. Còn được gọi là Thiên đô chiếu

Câu 4: Tên nước Đại Việt bắt đầu từ triều đại nào?

- A. Lý
- B. Trần
- C. Hồ
- D. Nguyễn

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: Thăng Long

Câu 2: Văn miếu Quốc Tử Giám

Câu 3: Chiếu dời đô

Câu 4: A.Lý

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Sưu tầm và giới thiệu về một thành tựu của văn minh Đại Việt mang dấu ấn của văn minh Văn Lang- Âu Lạc? (ví dụ: Đời sống vật chất (ăn, ở, mặc), đời sống tinh thần (lễ hội, phong tục tập quán...))

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 14: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt.
- Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.
- Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên trục thời gian.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức: Chiến thắng Bạch Đằng

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem đoạn video về kinh thành Thăng Long và hỏi:

? Em biết gì về nơi này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

3. Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên trục thời gian.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ thế kỉ X

? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ thế kỉ XI – đầu TK VI

? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ TK VI - XVII

? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ thế kỉ X

Thế kỉ X: Đây là giai đoạn gắn liền với chính quyền họ Khúc, họ Dương và các vương triều Ngô, Đinh, Tiền Lê.

Bước đầu định hình, củng cố chính quyền, phát triển kinh tế và văn hóa

GV bổ sung



Tồ Khuông Việt (Quốc Sư Ngô Chân Lưu)
(933-1011)

Chùa Đại Bi được cho là nơi đầu tiên Đại sư Ngô Chân Lưu lập am, dựng chùa



? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ thế kỉ XI – đầu TK XV

Đây là giai đoạn gắn liền với sự tồn tại của các vương triều Lý Trần, Hồ.

Văn minh Đại Việt phát triển mạnh mẽ và toàn diện, tính dân tộc được thể hiện rõ nét.

GV bổ sung



Nguyễn Hiền trạng nguyên đầu tiên và nhỏ nhất nước ta. Ông đỗ Trạng Nguyên ở khoa thi năm 1075 khi chỉ mới chỉ 13 tuổi.

? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ TK XV – XVII

Gắn liền với thời Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng. Nho giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ. Giáo dục thi cử có vai trò to lớn trong đời sống chính trị, văn hóa

? Chỉ ra những nét nổi bật của nền văn minh Đại Việt từ thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX

Gắn liền với sự tồn tại của các vương triều Lê Trung hưng (giai đoạn hậu kì), Tây Sơn, Nguyễn.

Có những biến động khủng hoảng về chính trị. Văn minh Đại Việt có những dấu hiệu đình trệ và lạc hậu nhưng 1 số lĩnh vực vẫn đạt được những thành tựu nổi bật.

GV cho HS xem 1 đoạn video ngắn về Huế để mở rộng kiến thức cho HS.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt

- Thế kỉ X: Đây là giai đoạn gắn liền với chính quyền họ Khúc, họ Dương và các vương triều Ngô, Đinh, Tiền Lê.
- Thế kỉ XI – đầu thế kỉ XV: Văn minh Đại Việt phát triển mạnh mẽ và toàn diện, tính dân tộc được thể hiện rõ nét.
- Thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVII: Nho giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ. Giáo dục thi cử có vai trò to lớn trong đời sống chính trị, văn hóa.
- Đầu thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX: Có những biến động khủng hoảng về chính trị. Văn minh Đại Việt có những dấu hiệu đình trệ và lạc hậu nhưng 1 số lĩnh vực vẫn đạt được những thành tựu nổi bật.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS giải các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1. Ai là thầy giáo, nhà Nho dưới thời Trần được triều đình trọng dụng nhất?

- A. Trần Khánh Dư
- B. Trần Thủ Độ

C. Trần Quang Khải

D. Chu Văn An

Câu 2: Những công trình kiến trúc nổi tiếng nào đã được xây dựng vào thời Trần?

A. Tháp Phổ Minh, thành Tây Đô

B. Tháp Phổ Minh, chùa một cột

C. Tháp Phổ Minh, chùa Thiên Mụ

D. Tháp Phổ Minh, chùa Tây Phương

Câu 3: Hồ Nguyên Trừng đã chế tạo thành công

A. Súng trường

B. Đại bác

C. Ak47

D. Súng thần cơ

Câu 4: Bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền hoàn chỉnh dưới triều đại nào?

A. Lý

B. Lê Sơ

C. Trần

D. Tiền Lê

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	D	A	D	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Theo em mỗi cá nhân cần làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt trong thời đại ngày nay?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:**Bước 3:** HS trình bày**Bước 4:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY: BÀI 15: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 4 tiết

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật...
- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- Đưa ra nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của nền văn minh Đại Việt.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thành tựu của nền văn minh Đại Việt.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng giá trị trường tồn của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về nền văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức: Chùa Một cột.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem đoạn video về chùa Một cột và hỏi:

? Em biết gì về công trình kiến trúc này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Chùa Một cột có tên ban đầu là Liên Hoa Đài, nằm trong quần thể chùa Diên

Hựu được vua Lý Thái Tông cho khởi công xây dựng năm 1049. Đây là ngôi chùa có kiến trúc độc đáo bậc nhất Châu Á, đồng thời là một trong những thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt.

Vậy văn minh Đại Việt đã đạt được những thành tựu tiêu biểu gì? Nền văn minh Đại Việt có ý nghĩa như thế nào trong lịch sử dân tộc Việt nam? Chúng ta cùng hiểu qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Chính trị

a. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về chính trị.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Tổ chức bộ máy nhà nước.

GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm và trả lời câu hỏi:

? Cơ cấu tổ chức bộ máy thời vua Lê Thánh Tông như thế nào?

? Vai trò của vua, các quan đại thần và các cơ quan văn phòng, hành chính, giám sát chuyên môn ra sao?

? Nhà nước quản lý chính quyền ở các cấp địa phương như thế nào?

Nhiệm vụ 2: Luật pháp

GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Em hãy liệt kê các bộ luật của các triều đại phong kiến Đại Việt?

? Đọc những tư liệu thông tin trong hai đoạn trích của Đại Việt sử ký toàn thư và Quốc triều hình luật trang 100 và 101 cho biết nội dung chủ yếu của pháp luật Đại Việt qua các triều đại phong kiến là gì?

? Luật Hồng Đức có điểm gì mới so với các bộ luật trước đây?

? So sánh luật pháp thời Lê Sơ và thời Trần có gì giống và khác nhau?

GV cho HS xem đoạn trích Lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông

Vua Lê Thánh Tông căn dặn các quan trong triều:

”Một thước núi, một thước sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ? Phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần, nếu họ không nghe còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, trình bày rõ điều ngay, lẽ gian. Nếu người nào dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di”.

(Đại Việt sử ký toàn thư)

? Qua lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông em có nhận xét gì về chủ trương của nhà Lê đối với lãnh thổ đất nước?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

? Cơ cấu tổ chức bộ máy thời vua Lê Thánh Tông như thế nào?

+ Ở Trung ương: Có 6 bộ và một số cơ quan chuyên môn. Thời vua Lê Thánh Tông, một số cơ quan cùng chức quan cao cấp nhất và trung gian được bãi bỏ, tăng cường tính tập quyền.

+ Ở địa phương: chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên, đứng đầu mỗi đạo là 3 ti phủ trách 3 mặt khác nhau (đô ti, thừa ti và hiến ti). Dưới đạo thừa tuyên là phủ, châu, huyện, xã.

? Vai trò của vua, các quan đại thần và các cơ quan văn phòng, hành chính, giám sát chuyên môn ra sao?

+ Vua trực tiếp nắm mọi quyền hành và điều hành công việc.

+ Vua làm trực tiếp với 6 bộ: Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Binh, Bộ Hình, Bộ Công (do Thượng thư đứng đầu).

? Nhà nước quản lý chính quyền ở các cấp địa phương như thế nào?

Ở địa phương, đứng đầu các Đạo là chức Hành khiển phụ trách mọi việc quân dân. Dưới Đạo là các Trấn do Trấn phủ sứ, Tuyên phủ sứ đứng đầu. Dưới Trấn là các Lộ với các chức quan An phủ sứ, Tổng quản, Đồng tri. Phủ có Tri phủ, Đồng tri phủ. Huyện có Huyện vận sứ, Huyện vận phó sứ. Đơn vị hành chính cơ sở là xã do xã quan quản lý.

=> Thể hiện nhà nước trung ương đã với tay đến tận địa phương.

Nhiệm vụ 2: Luật pháp

? Em hãy liệt kê các bộ luật của các triều đại phong kiến Đại Việt?

Bộ luật Hình thư năm 1042 được xem là bộ luật đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Việc ban hành bộ luật Hình thư được đánh giá là một cột mốc quan trọng trong lịch sử lập pháp nước ta. Về mặt văn bản, Bộ luật này không còn bản gốc nhưng nội dung của nó còn được ghi chép lại trong sử cũ. Căn cứ vào những ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* thì Hình thư là một sưu tập luật lệ có tính pháp điển.

Quốc triều hình luật

+ Bảo vệ quyền lợi của vua và hoàng tộc.

+ Bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị.

+ Bảo vệ người phụ nữ.

+ Khuyến khích xuất phát triển kinh tế...

Điều 568: Trâu của hai nhà đánh nhau, con nào chết thì hai nhà cùng ăn thịt, con nào sống thì hai nhà cùng cày, trái luật sẽ bị phạt 80 trượng”.

Điều 680: “Đàn bà phải tội tử hình trở xuống nếu đang có thai, thì phải đẻ sinh đẻ sau 100 ngày mới hành hình. Nếu đã đủ 100 ngày mà không đem hành hình, thì ngục quan hay ngục lại bị tội biếm hay tội phạt...”

Hoàng triều luật lệ (Luật Gia Long)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Chính trị

1.1. Tổ chức bộ máy nhà nước.

- Trải qua các triều đại tổ chức bộ máy nhà nước của Đại Việt không ngừng được củng cố hoàn thiện từ trung ương đến địa phương.
- Tiêu biểu cho tổ chức bộ máy nhà nước của Đại Việt là bộ máy nhà nước thời Lê sơ.

1.2. Luật pháp.

- Nhà nước tăng cường quản lý xã hội thông qua pháp luật.
- Nội dung đề cao tính dân tộc và chủ quyền quốc gia; bảo vệ quyền lợi của vua quý tộc quan lại; bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi” Diệt virus Corona”

Câu 1. Bộ “Quốc triều hình luật” hay “Luật Hồng Đức” được biên soạn và ban hành dưới thời vua nào?

- A. Lê Thánh Tông
- B. Lê Thái Tổ
- C. Lê Thái Tông

D. Lê Nhân Tông

Câu 2: Bộ luật hình thư được ra đời ở thời vị vua nào?

A. Lý Nhân Tông

B. Lý Thái Tông

C. Lý Thánh Tông

D. Lý Thái Tổ

Câu 3: Hoàng Việt luật lệ được ban hành vào thời nào?

A. Nhà Lý

B. Nhà Hồ

C. Nhà Trần

D. Nhà Nguyễn

Câu 4: Tên bộ luật thời Lê Sơ là gì?

A. Hình luật

B. Quốc triều hình luật

C. Hình thư

D. Hoàng Việt Luật lệ

Câu 5: Bộ máy chính quyền thời Lê Sơ được hoàn chỉnh nhất dưới thời vua nào?

A. Lê Nhân Tông

B. Lê Thái Tông

C. Lê Thánh Tông

D. Lê Thái Tổ

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	D	C	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều

nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Hãy sưu tầm, tìm hiểu về một bộ luật của nền văn minh Đại Việt để thuyết trình với thầy cô và bạn học.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 15: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật...
- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- Đưa ra nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của nền văn minh Đại Việt.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thành tựu của nền văn minh Đại Việt.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng giá trị trường tồn của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về nền văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem hình ảnh về Lễ cày tịch điền và hỏi:

? Những hình ảnh dưới đây đang nói đến lễ hội nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Kinh tế

a. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm và hoàn thành các nội dung về:

- + Nhóm 1,2: Nông nghiệp
- + Nhóm 3,4: Thủ công nghiệp
- + Nhóm 5,6: Thương nghiệp

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

+ Nhóm 1,2: Nông nghiệp

Nông nghiệp: Nhà Lý thực hiện nhiều biện pháp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

- Thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”
- Cày ruộng tịch điền. Bảo vệ trâu bò
- Khai khẩn đất hoang, đào kênh, đắp đê phòng lụt

GV bổ sung

Ngụ binh ư nông là “gửi binh ở nông”: Gửi quân vào nông nghiệp. Được xác định với các hoạt động thực hiện trong thời bình. Khi đó, binh lính không tham gia vào các hoạt động chiến tranh bảo vệ đất nước. Thay vào đó, cần cố gắng thực hiện các công việc phát triển đất nước.

Mùa xuân năm 1038, vua Lý Thái Tông ra Bồ Hải Khẩu (Thái Bình) cày tịch điền. Vua đích thân tể Thần Nông rồi tự cày những đường đầu tiên. Có người can rằng: “Đó là công việc của nông phu bê hạ việc gì làm thế”. Vua nói: “Trẫm không tự mình cày cấy thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ nói theo”.

+ Nhóm 3,4: Thủ công nghiệp

Các ngành nghề: Làm đồ gốm tráng men, Đóng thuyền đi biển, Nghề dệt vải, Chế tạo vũ khí

Thăng Long là nơi tập trung nhiều nghề thủ công nhất: Làng Hợp Lễ, Bát Tràng (gốm), Làng Đại Bái (đúc đồng), Làng Vân Chàm (rèn sắt)

GV bổ sung

Chuông Quy Điền được đúc vào năm 1101 bằng 12 nghìn cân (7,3 tấn) đồng. Chuông đúc xong, được treo ở chùa Diên Hựu (chùa Một cột) nhưng lớn quá nên đánh không kêu. Vua cho người vắn chuông ra khu ruộng sau chùa. Do thấp trũng, có nhiều rùa nên từ đó gọi là chuông Quy Điền.

Trước thời Trần, sách sử Việt Nam không nói rõ quan hệ giữa các đơn vị tiền tệ. Thời Trần Thái Tông được các nhà nghiên cứu ghi nhận là lần đầu tiên sử sách phản ánh quan hệ này. Theo Đại Việt sử ký toàn thư ghi chép vào năm 1226, triều đình "xuống chiếu cho dân gian dùng tiền "tĩnh bách" (hay "tĩnh mạch) mỗi tiền là 69 đồng. Tiền nộp cho nhà nước (tiền "thượng cung") thì mỗi tiền là 70 đồng".

+ Nhóm 5,6: Thương nghiệp

Trong nước chợ làng, chợ huyện được hình thành và phát triển mạnh. kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm buôn bán sầm uất.

Hoạt động trao đổi buôn bán với nước ngoài bước đầu phát triển.

36 phố phường Hà Nội là cái tên thân thuộc để gọi khu phố cổ Hà Nội, cái tên gọi thông thường của một khu vực đô thị có từ lâu đời của Hà Nội nằm ở ngoài hoàng thành Thăng Long

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Kinh tế

2.1. Nông nghiệp

- Nhà nước thực hiện nhiều chính sách quan tâm chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp.
- Công cuộc khai hoang, phục hóa, lấn biển, tăng tăng diện tích trồng trọt góp phần mở rộng lãnh thổ và tăng cường khả năng phòng thủ đất nước.
- Nhà nước tăng cường vận động nhân dân tham gia đặt đề phòng lụt trên quy mô lớn, hình thành hệ thống đê điều, thủy lợi hoàn chỉnh trong cả nước.
- Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo với cây trồng chính là lúa nước. Ngoài ra còn nhiều cây lương thực khác như ngô, khoai, sắn.

2.2. Thủ công nghiệp

- Thủ công nghiệp truyền thống tiếp tục được duy trì và phát triển ở các địa phương với nhiều ngành nghề.
- Thế kỉ XVI-XVII, có nhiều là nghề nổi thủ công nổi tiếng cả nước như dệt La Khê, gốm Bát Tràng, gốm Chu Đậu....
- Thủ công nghiệp nhà nước do triều đình trực tiếp quản lý được chú trọng.

2.3. Thương nghiệp

- Trong nước chợ làng, chợ huyện được hình thành và phát triển mạnh. kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm buôn bán sầm uất.
- Hoạt động trao đổi buôn bán với nước ngoài bước đầu phát triển.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi “Đường lên đỉnh Olympia”

Câu hỏi 1: Đời vua Thái tổ, Thái tông

Thóc lúa đầy đồng trâu chả buồn ăn

2 câu thơ trên đang nói đến triều đại nào?

- A. Triều Lý
- B. Triều Trần
- C. Triều Hồ
- D. Triều Lê Sơ
- D. Lê Nhân Tông

Câu hỏi 2: Nghề thủ công truyền thống nổi bật của cư dân Đại Việt

- A. Làm vũ khí, đúc đồng, thuộc da.
- B. Làm thủy tinh, đồ trang sức, vàng bạc.
- C. Làm gốm, chế thực phẩm, đúc đồng.
- D. Đúc đồng, rèn sắt, làm gốm, dệt.

Câu hỏi 3: Các vua Thời Tiền Lê, Lý hằng năm tổ chức lễ tịch điền nhằm mục đích gì?

- A. Khuyến khích sản xuất nông nghiệp
- B. Khuyến khích khai khẩn đất hoang
- C. Khuyến khích bảo vệ, tôn tạo để điều
- D. Khuyến khích sản xuất nông lâm nghiệp

Câu hỏi 4: đề “quai vạc” được hình thành bắt đầu từ triều đại nào trong nền văn minh Đại Việt?

- A. Triều Lý
- B. Triều Trần
- C. Triều Hồ
- D. Triều Lê sơ

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	D	D	A	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Em hãy sưu tầm và giới thiệu một thành tựu về nền văn minh Đại Việt.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa

BÀI 15: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật...
- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- Đưa ra nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của nền văn minh Đại Việt.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thành tựu của nền văn minh Đại Việt.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng giá trị trường tồn của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về nền văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem các hình ảnh về các tôn giáo và yêu cầu HS nêu tên các tôn giáo



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**3. Văn hóa**

a. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về tư tưởng, tôn giáo.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***Nhiệm vụ 1: Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng***

GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi và trả lời câu hỏi:

? Hãy cho biết một số nét nổi bật trong tư tưởng của nền văn minh Đại Việt?

Nhiệm vụ 2: Tôn giáo

GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm và trả lời câu hỏi

? Hãy cho biết một số nét nổi bật trong đời sống tín ngưỡng, tư tưởng, tôn giáo của cư dân Đại Việt?

Nhóm 1: Tìm hiểu về Nho giáo

Nhóm 2: Tìm hiểu về Phật giáo

Nhóm 3: Tìm hiểu về Đạo giáo

Nhóm 4: Tìm hiểu về sự du nhập Công giáo

? Qua lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông em có nhận xét gì về chủ trương của nhà Lê đối với lãnh thổ đất nước?

Nhiệm vụ 3: Tín ngưỡng

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi:

? Kể tên một vài tín ngưỡng trong nhân dân?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

? Hãy cho biết một số nét nổi bật trong tư tưởng của nền văn minh Đại Việt?

- Tư tưởng yêu nước thương dân phát triển theo hai xu hướng: dân tộc và thân dân.
- Bộ luật Hình thư đầu tiên của nước ta dưới triều nhà Lý công bố năm 1042 đã xác định: “Chăm lo đến đời sống người dân trăm họ, chỉnh đốn pháp luật sao cho giảm bớt nỗi khổ của dân, xóa bớt bất công trong thiên hạ”.
- Danh nhân Nguyễn Trãi đã đúc kết: “Việc nhân nghĩa cốt ở an dân. Quân điều phạt trước lo trừ bạo”. “Khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước”.

? Tìm hiểu về Nho giáo

- + Nho giáo dần phát triển cùng với sự phát triển của giáo dục và thi cử.
- + Nho giáo góp phần to lớn trong việc đào tạo đội ngũ tri thức, những người hiền tài cho đất nước.

? Tìm hiểu về Phật giáo

Phật giáo phát triển mạnh trong buổi đầu độc lập và trở thành quốc giáo thời Lý – Trần.

- “Lý Công Uẩn mới lên ngôi đã phát hai vạn quan tiền để thuê thợ xây dựng 8 ngôi chùa ở quê mình, lại phát hàng vạn quan dựng nhiều chùa ở kinh đô, sửa sang chùa quán ở các lộ, cho phép hơn 1000 người ở Thăng Long làm sư”.
- Thời Trần: Đạo Phật vẫn phát triển

? Tìm hiểu về sự du nhập Công giáo

Từ thế kỉ XVI, Thiên Chúa giáo du nhập vào Việt Nam, từng bước tạo nên những nét văn hóa mới trong cộng đồng dân cư.

? Kể tên một vài tín ngưỡng trong nhân dân?

- Tín ngưỡng cổ truyền phổ biến trong nhân dân: Thờ ông bà tổ tiên
- Ngay từ thời Hùng Vương dựng nước, trống đồng đã trở thành vị thần tối linh, để rồi sang đến các đời Lý, Trần, Lê – Nguyễn, truyền thống ấy vẫn được bảo lưu như một nét văn hóa vô cùng tốt đẹp trong đời sống cộng đồng, tạo nên sức mạnh lớn lao trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Văn hóa

3.1. Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng

a. Tư tưởng

- Tư tưởng yêu nước thương dân được xem là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất để đánh giá con người qua các hoạt động xã hội.
- Nho giáo phát triển gắn liền với hoạt động học tập thi cử từ thời Lý, Trần. Đến thời Lê sơ trở thành vị trí độc tôn và là hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ.

b. Tôn giáo

- Phật giáo du nhập từ thời Bắc thuộc phát triển nhanh chóng trong buổi đầu độc lập và trở thành quốc giáo dưới thời Lý, Trần.
- Đạo giáo được duy trì phát triển trong dân gian và được các triều đại phong kiến có trọng đặc biệt là thời Đinh, Tiền Lê, Lý.
- Thế kỉ XIII –XVI, Hồi giáo, Công giáo du nhập vào Đại Việt.

c. Tín ngưỡng

- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt được duy trì.
- Tín ngưỡng thờ Hoàng thành, thờ Mẫu, thờ các anh hùng, tổ nghề... cùng phát triển tạo nên nét truyền thống văn hóa tốt đẹp trong cộng đồng.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi” Diệt virus Corona”

Câu 1: Nội dung nào sau đây không phải là tín ngưỡng của cư dân trong nền văn minh Đại Việt?

- A. Thờ cúng tổ tiên, thờ người có công với đất nước.
- B. Tôn trọng giá trị văn hoá truyền thống.
- C. Thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, thờ tổ nghề.
- D. Thờ thần Mặt Trời và thần Sáng tạo.

Câu 2: Hệ tư tưởng tôn giáo nào sau đây giữ địa vị thống trị ở Việt Nam trong các thế kỉ XV-XIX?

- A. Phật giáo
- B. Nho giáo

C.Công giáo

D.Đạo giáo

Câu 3: Đạo giáo được duy trì, phát triển trong dân gian và triều đại phong kiến coi trọng nhất là dưới triều đại nào?

A.Đinh, Tiền Lê, Lý

B.Lý, Trần, Hồ

C.Lý, Trần, Lê sơ

D.Trần, Lê sơ, Nguyễn

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3
Đáp án	D	B	A

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

"Kỉ nguyên văn minh Đại Việt là kỉ nguyên văn minh thứ hai trong lịch sử Việt Nam với những thành tựu rực rỡ trong phát triển kinh tế, chấn hưng văn hoá và những vũ công hào hùng trong chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước...".

(Phan Huy Lê, Di sản văn hoá Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 409)

Bằng những dữ kiện có chọn lọc, em hãy chứng minh nhận định trên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 15: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT (T4)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật...
- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- Đưa ra nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của nền văn minh Đại Việt.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thành tựu của nền văn minh Đại Việt.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng giá trị trường tồn của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về nền văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIỀN TRÌNH DẠY -HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Gv cho HS xem hình ảnh và đọc thơ trả lời câu hỏi

Xưa thầy nào dâng lên vua,

Tờ "Thất trảm sớ" mong vờ lòng dân,

Tinh thần cao đẹp nghĩa nhân,

Mai sau vẫn sáng muôn lần sáng hơn

Muốn cho nước mạnh dân giàu,

Tâu vua xin chém bảy đầu một dân,

Mũ cao áo rộng không cần,

Lui về ẩn chôn lâm sơn một mình



? Ông là ai?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

3. Văn hóa

a. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về văn hóa.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Giáo dục

GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi và trả lời câu hỏi:

? Theo em vì sao các vương triều Đại Việt đều quan tâm đến giáo dục, khoa cử ?

Nhiệm vụ 2: Chữ viết và văn học

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi:

? Em hãy cho biết những thành tựu về chữ viết của Đại Việt thời phong kiến?

? Theo em, việc cư dân Đại Việt và các nước Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết của mình có ý nghĩa như thế nào?

? Em hãy cho biết những thành tựu về văn học của Đại Việt thời phong kiến?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

? Trình bày tình hình giáo dục nước ta qua các triều đại?

- Giáo dục thời Lý: Nền giáo dục, khoa cử bắt đầu được triển khai từ thời nhà Lý.

+ Năm 1070, Văn Miếu được xây dựng ở Thăng Long. Năm 1075, mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại.* Giáo dục và văn hoá- Năm 1070, Văn Miếu được xây dựng ở Thăng Long. Năm 1075, mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại. Nhà nước quan tâm đến giáo dục, khoa cử. Năm 1076, mở Quốc tử giám - trường

đại học đầu tiên của nước ta. Chế độ thi cử chưa đi vào nền nếp và quy củ. Việc xây dựng Văn Miếu và Quốc tử giám đánh dấu sự ra đời của nền giáo dục Đại Việt

- Thời Trần, triều đình lập Quốc học viện cho con em quan lại học tập.

+ - Quốc tử giám được mở rộng, các lộ, phủ đều có trường học, các kì thi tổ chức ngày càng nhiều.

- "...Năm 1246, nhà Trần định lệ thi thái học sinh (tiên sĩ) 7 năm một lần thi.

- Năm 1247, quy định chọn Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) trong kì thi Đình.

- “ Phép thi thời Trần 7 năm một khoa, đặt ra tam khôi, điều lệ mỗi ngày một nghiêm ngặt, ân điển mỗi ngày một long trọng, công danh do đó mà ra, nhân tài đầy rẫy, so với thời Lý thì thịnh hơn nhiều”.

(Khoa mục chí- trong Lịch triều Hiến chương loại chí)

+ Nguyễn Hiền sinh năm 1234 (có tài liệu ghi năm 1235), người làng Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường (nay là xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định). Trong khoa thi năm 1247, lần đầu tiên trong lịch sử có 3 sĩ tử đỗ đầu đều là những người trẻ. Trạng nguyên Nguyễn Hiền mới 13 tuổi, Bảng nhãn Lê Văn Hưu 18 tuổi và Thám hoa Đặng Ma La 14 tuổi. Vì vậy, Trạng nguyên Nguyễn Hiền được coi là “Khai quốc Trạng Nguyên” và là trạng nhỏ tuổi nhất trong lịch sử nước ta.

- Thời Lê sơ, con em bình dân học giỏi cũng được đi học, đi thi, hệ thống trường học mở rộng trên cả nước.

+ Sau khi lên ngôi vua, 1428 Lê Thái Tổ cho dựng lại Quốc Tử Giám, mở nhiều trường học ở các đạo, phủ.

+ Lấy “Tứ thư”, “Ngũ kinh” là nội dung học tập, thi cử.

+ Tuyển chọn người tài giỏi có đạo đức để làm thầy giáo.

+ - Nhà trường tăng cường khuyến khích nhân dân học tập, tiêu biểu như việc ban chiếu khuyến học thời Tây Sơn.

? Em hãy cho biết những thành tựu về chữ viết của Đại Việt thời phong kiến?

Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm. Đến thế kỉ XVI, chữ Quốc ngữ được hình thành và dần dần trở thành chữ viết chính thức của người Việt ngày nay.

? Em hãy cho biết những thành tựu về văn học của Đại Việt thời phong kiến?

- Văn học chữ Hán: Chủ yếu là thơ, phú, hịch, thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

- Văn học chữ Nôm: Xuất hiện từ thế kỉ XIII, phát triển mạnh vào các thế kỉ XVI – XIX.

- Văn học dân gian có mối liên hệ mật thiết với đời sống nhân dân

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Văn hóa

3.2. Giáo dục

- Hệ thống giáo dục được mở rộng, chủ yếu nhằm đào tạo đội ngũ quan lại cho bộ máy chính quyền.
- Năm 1075, triều đình mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài. Năm 1076, vua Lý cho mở Quốc Tử Giám để dạy học cho hoàng tử, công chúa.

3.3 Chữ viết và văn học

- Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm. Đến thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ được hình thành và dần dần trở thành chữ viết chính thức của người Việt ngày nay.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS giải trắc nghiệm

Câu 1: Hệ tư tưởng tôn giáo nào sau đây giữ địa vị thống trị ở Việt Nam trong các thế kỉ XV-XIX?

- A. Phật giáo
- B. Công giáo
- C. Nho giáo
- D. Đạo giáo

Câu 2: Chữ Quốc ngữ ra đời xuất phát từ nhu cầu nào sau đây?

- A. Truyền đạo
- B. Giáo dục
- C. Sáng tạo
- D. sử dụng trong cung đình.

Câu 3: Các bia đá được dựng ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) thể hiện chính sách nào của Vương triều Lê sơ?

- A. Quan tâm đến biên soạn lịch sử.
- B. Coi trọng nghề thủ công chạm khắc.
- C. Phát triển các loại hình văn hoá dân gian.
- D. Đề cao giáo dục, khoa cử.

Câu 4: Sự ra đời của văn học chữ Nôm là một biểu hiện của

- A. Ảnh hưởng của quá trình truyền bá đạo Công giáo đến Việt Nam.
- B. Sự sáng tạo, tiếp biến văn hoá của người Việt Nam.
- C. Sự phát triển của văn minh Đại Việt thời Lý - Trần
- D. Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến Việt Nam trên phương diện ngôn ngữ.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	A	D	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Trong các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt, em ấn tượng nhất với thành tựu nào? Hãy viết một bài văn ngắn thể hiện cảm nhận của em về thành tựu đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

3. Văn hoá

a. Mục tiêu: Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về khoa học kỹ thuật và nghệ thuật.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Khoa học kỹ thuật

GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi và trả lời câu hỏi:

? Theo dõi các thông tin trong sách giáo khoa trình bày các thành tựu về khoa học kỹ thuật của nền văn minh Đại Việt?

Lĩnh vực	Thành tựu
<i>Sử học</i>	
<i>Địa lí</i>	
<i>Quân sự</i>	
<i>Y học</i>	
<i>Toán học</i>	
<i>Kỹ thuật</i>	

Nhiệm vụ 2: Nghệ thuật

GV cho HS hoạt động nhóm và tìm hiểu các nội dung sau

- + Nhóm 1: Tìm hiểu về kiến trúc
- + Nhóm 2: Tìm hiểu về điêu khắc
- + Nhóm 3: Tìm hiểu về âm nhạc
- + Nhóm 4: Tìm hiểu về lễ hội

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

- Tìm hiểu về kiến trúc

+ Đặc điểm: Nghệ thuật kiến trúc phát triển mạnh mẽ. Chịu ảnh hưởng của tôn giáo. Hệ thống cung điện, chùa, tháp, thành quách được xây dựng nhiều nơi.

+ Công trình tiêu biểu: Thành nhà Hồ, thành Thăng Long, Đại nội Huế, Chùa Một Cột.....

- Tìm hiểu về điêu khắc

+ Đặc điểm: Nghệ thuật điêu khắc trên đá, gỗ thể hiện phong cách đặc sắc, tinh xảo.

+ Công trình tiêu biểu: Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn tay mắt, 18 pho tượng La Hán ở chùa Tây Phương....

-Tìm hiểu về âm nhạc

+ Đặc điểm: Phát triển mạnh với nhiều thể loại và nhạc cụ phong phú. Nghệ thuật sân khấu phát triển mạnh với nhiều loại hình như chèo, ả đào....

+ Loại hình tiêu biểu: Hát ví dặm, hát tuồng, hát quan họ, hát xẩm...

- Tìm hiểu về lễ hội

+ Đặc điểm: Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong dân gian được duy trì và tổ chức hằng năm.

+ Loại hình tiêu biểu: Tết Nguyên đán, Lễ Tịch điền, Thanh minh, Đoan Ngọ...

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3.4 Khoa học kĩ thuật

Lĩnh vực	Thành tựu
Sử học	Nhà Trần thành lập Quốc sử viện, nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quan. Nhiều bộ sử lớn được biên soạn như: Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử ký, Đại Việt thông sử...
Địa lí	Dur địa chí, Hồng Đức bản đồ, Gia Định thành thông chí, Hoàng Việt nhất thống dư địa chí....
Quân sự	Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư, hỏ trưởng khu cơ
Y học	Nam dược thần hiệu, Hải Thượng y tông tâm lĩnh
Toán học	Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp
Kĩ thuật	Súng thần cơ, đại bác, thuyền chiến, xây dựng thành lũy

3.5 Nghệ thuật

- Kiến trúc

+ Đặc điểm: Nghệ thuật kiến trúc phát triển mạnh mẽ. Chịu ảnh hưởng của tôn giáo. Hệ thống cung điện, chùa, tháp, thành quách được xây dựng nhiều nơi.

+ Công trình tiêu biểu: Thành nhà Hồ, thành Thăng Long, Đại nội Huế, Chùa

Một Cột.....

- Điêu khắc

+ Đặc điểm: Nghệ thuật điêu khắc trên đá, gỗ thể hiện phong cách đặc sắc, tinh xảo.

+ Công trình tiêu biểu: Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn tay mắt, 18 pho tượng La Hán ở chùa Tây Phương....

- Âm nhạc

+ Đặc điểm: Phát triển mạnh với nhiều thể loại và nhạc cụ phong phú. Nghệ thuật sân khấu phát triển mạnh với nhiều loại hình như chèo, ả đào....

+ Loại hình tiêu biểu: Hát ví dặm, hát tuồng, hát quan họ, hát xẩm...

- Lễ hội

+ Đặc điểm: Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong dân gian được duy trì và tổ chức hằng năm.

+ Loại hình tiêu biểu: Tết Nguyên đán, Lễ Tịch điền, Thanh minh, Đoan Ngọ...

4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt

a. Mục tiêu: Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Trình bày ý nghĩa của văn minh Đại Việt?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt

- Văn minh Đại Việt thể hiện sức sáng tạo và truyền thống lao động bền bỉ của

các thể hệ người Việt.

- Văn minh Đại Việt có giá trị lớn đối với quốc gia, dân tộc Việt nam và một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt đã được UNESCO vinh danh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS giải trắc nghiệm

Câu 1: Một trong những tác phẩm y học tiêu biểu của văn minh Đại Việt được biên soạn trong giai đoạn thế kỉ XV - XVIII là

- A. Y thư lược sao
- B. Hồng Nghĩa giác tụy thư
- C. Hải Thượng y tông tâm lĩnh
- D. Bình thư yếu lược.

Câu 2: Một trong những thành tựu quan trọng về kiến trúc của nền văn minh Đại Việt là

- A. Hoàng thành Thăng Long
- B. Thành Cổ Loa.
- C. Kinh đô Phong Châu.
- D. Quần thể tháp Bánh ít.

Câu 3: Nét độc đáo trong nghệ thuật kiến trúc Đại Việt (thế kỉ X - giữa thế kỉ XIX)

- A. Kiến trúc đồ sộ, quy mô lớn
- B. Chỉ tập trung ở kinh đô Thăng Long
- C. Chịu ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo.
- D. Chịu ảnh hưởng của tôn giáo

Câu 4: Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam không có loại hình nào sau đây?

- A. Múa rối

B. Kịch nói

C. Chèo

D. Ca Trù

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	A	D	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Trong các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt, em ấn tượng nhất với thành tựu nào? Hãy viết một bài văn ngắn thể hiện cảm nhận của em về thành tựu đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 7: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

BÀI 16: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.
- Trình bày được khái niệm ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
- Nêu được nét chính về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: giáo dục niềm tự hào về sự phong phú, đa dạng trong thống nhất của văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm công dân, góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Nhìn trang phục truyền thống đoán tên dân tộc?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Việt Nam là quốc gia có nhiều thành phần dân tộc, các dân tộc ở Việt Nam có quá trình chung sống lâu dài, đồng cam cộng khổ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Là công dân của một quốc gia có thành phần dân tộc đa dạng, mỗi học sinh rất cần hiểu biết đầy đủ về cộng đồng dân tộc, nhất là ngữ hệ, đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc anh em.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Thành phần dân tộc theo dân số

a. Mục tiêu: Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

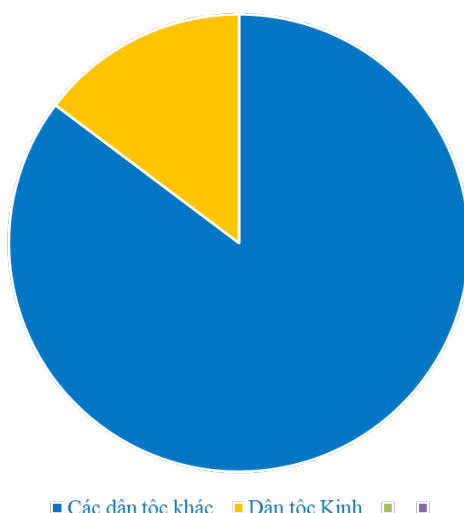
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi:

? Dựa vào bảng 16 và hình 16.1 hãy kể tên các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có dân số trên 1 triệu người và những dân tộc thiểu số có dân số dưới 5 nghìn người.

STT	Dân tộc	Số dân (người)	STT	Dân tộc	Số dân (người)
1	Kinh	82 085 826	28	Tà ôi	52 356
2	Tây	1 845 492	29	Mạ	50 322
3	Thái	1 820 950	30	Co	40 442
4	Mường	1 452 095	31	Chơ Ro	29 520
5	H'mông	1 393 547	32	Xinh-mun	29 503
6	Khơ-me	1 319 652	33	Hà Nhì	25 539
7	Nùng	1 083 298	34	Chu-ru	23 242
8	Dao	891 151	35	Lào	17 532
9	Hoa	749 466	36	Kháng	16 180
10	Gia Rai	513 930	37	La Chí	15 126
11	Ê-đê	398 671	38	Phù Lá	12 471
12	Ba Na	286 910	39	La Hủ	12 113
13	Xơ Đăng	212 277	40	La Ha	10 157
14	Sán Chay	201 398	41	Pà Thên	8 248
15	Cơ Ho	200 800	42	Chứt	7 513
16	Sán Dìu	183 004	43	Lự	6 757
17	Chăm	178 948	44	Lô Lô	4 827
18	Hrê	149 460	45	Mảng	4 650
19	Ra-glai	146 613	46	Cờ Lao	4 003
20	Mnông	127 334	47	Bố Y	3 232
21	Xtiêng	100 752	48	Cống	2 729
22	Bru - Vân Kiều	94 598	49	Ngái	1 649
23	Thổ	91 430	50	Si La	909
24	Khơ Mú	90 612	51	Pu Páo	903
25	Cơ Tu	74 173	52	Rơ Măm	639
26	Giáy	67 858	53	Brâu	525
27	Giê Triêng	63 322	54	Ơ Đu	428

Dựa vào bảng 16 và hình 16.2 hãy nhận xét về cơ cấu dân số theo dân tộc ở Việt Nam hiện nay?



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

? Dựa vào bảng 16 và hình 16.1 hãy kể tên các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có dân số trên 1 triệu người và những dân tộc thiểu số có dân số dưới 5 nghìn người.

- Có 6 dân tộc có dân số trên 1 triệu người: Tày, Thái, Mường, Hmông, Khơ-me, Nùng.

- Dưới 5 nghìn người: Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bố Y, Công, Ngái, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brau, Ô đú.

? Dựa vào bảng sau hãy nhận xét về cơ cấu dân số theo dân tộc ở Việt Nam hiện nay?

- Trong cơ cấu dân số Việt Nam hiện nay, dân tộc Kinh có dân số lớn nhất, chiếm khoảng 85.3% tổng số dân.

- 53 dân tộc còn lại chỉ chiếm khoảng 14.7% dân số.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Thành phần dân tộc theo dân số

- Trong cơ cấu dân số Việt Nam hiện nay, dân tộc Kinh có dân số lớn nhất, chiếm khoảng 85.3% tổng số dân.

- 53 dân tộc còn lại chỉ chiếm khoảng 14.7% dân số.

2. Ngũ hệ và phân chia dân tộc theo ngũ hệ (giảm tải).

3. Hoạt động kinh tế, đời sống vật chất.

a. Mục tiêu: Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Nông nghiệp

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi:

? Theo em, hoạt động sản xuất nông nghiệp của các dân tộc ở Việt Nam như thế nào?

? Sự giống nhau và khác nhau giữa sản xuất nông nghiệp của người Kinh với các dân tộc thiểu số, giữa các vùng, miền trong cả nước như thế nào?

? Em hãy chỉ ra những điểm giống và khác nhau trong nội dung phản ánh giữa hai bức hình?



Nhiệm vụ 2: Thủ công nghiệp và thương nghiệp

? Hãy kể tên một số ngành nghề thủ công của người Kinh và của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

? Em hãy kể tên một số nghề thủ công nổi tiếng ở địa phương em, hoặc em được biết qua sách, báo, truyền hình. Theo em, nghề thủ công có vai trò gì trong đời sống kinh tế - xã hội?

? Trình bày hoạt động kinh tế thương nghiệp của các dân tộc ở Việt Nam?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Sản phẩm dự kiến

? Theo em, hoạt động sản xuất nông nghiệp của các dân tộc ở Việt Nam như thế nào?

- Người Kinh tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, trung du và duyên hải. Kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước đã được hình thành và phát triển từ rất sớm.

- Các dân tộc thiểu số phần lớn phân bố ở miền núi, trung du, cao nguyên.

? Sự giống nhau và khác nhau giữa sản xuất nông nghiệp của người Kinh với các dân tộc thiểu số, giữa các vùng, miền trong cả nước như thế nào?

Do địa bàn cư trú trải rộng trên nhiều địa hình khác nhau, có điều kiện tự nhiên khác biệt nên tập quán sản xuất của các dân tộc không hoàn toàn giống nhau.

Người Kinh	Các dân tộc thiểu số
- Ở đồng bằng, địa hình bằng phẳng, diện tích rộng, đất phù sa mềm .	- Ở các vùng núi cao, địa hình dốc. - Chủ yếu canh tác lúa nước trên ruộng

- Chủ yếu canh tác lúa nước kết hợp trồng 1 số cây lương thực khác (ngô, khoai, sắn...) và kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản.	bạc thang, trong các thung lũng dưới chân núi và canh tác lúa nước ở đồng bằng sông Cửu Long (dân tộc Khơ me, 1 phần của dân tộc Hoa cư trú ở đây).
--	---

? Hãy kể tên một số ngành nghề thủ công của người Kinh và của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

- Người Kinh phát triển các nghề thủ công như nghề gốm, dệt, đúc đồng, rèn sắt, làm giấy... từ sớm.
- Một số nghề đạt đến trình độ cao, nhiều làng nghề có truyền thống lâu đời và nổi tiếng trong cả nước như Gốm Bát Tràng, làng hương Thủy Xuân....
- Các dân tộc thiểu số có truyền thống làm các nghề thủ công từ sớm.
- Ở Tây Bắc: dệt thổ cẩm, dệt lanh, chế tác đồ trang sức, làm mộc, nhuộm, đan lát...
- Tây Nguyên: dệt thổ cẩm, mây tre đan, điêu khắc tượng, làm rượu cần.
- Tây Nam Bộ: nghề dệt lụa, dệt chiếu, làm gốm....

? Trình bày hoạt động kinh tế thương nghiệp của các dân tộc ở Việt Nam?

- Người Kinh thường tổ chức các hình thức chợ làng, chợ huyện và cả chợ trong các khu phố, chợ đầu mối.
- Các dân tộc vùng cao thường họp chợ phiên.
- Cư dân Nam Bộ còn có hình thức họp chợ trên sông, hình thành các khu chợ nổi.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Hoạt động kinh tế, đời sống vật chất.

3.1. Nông nghiệp

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là trồng trọt, chăn nuôi.
- Người Kinh tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, trung du và duyên hải. Kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước đã được hình thành và phát triển từ rất sớm.
- Các dân tộc thiểu số phần lớn phân bố ở miền núi, trung du, cao nguyên.

3.2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp

- Thủ công nghiệp

- + Người Kinh phát triển các nghề thủ công như nghề gốm, dệt, đúc đồng, rèn sắt, làm giấy... từ sớm.

+ Một số nghề đạt đến trình độ cao, nhiều làng nghề có truyền thống lâu đời và nổi tiếng trong cả nước như Gốm Bát Tràng, làng hương Thủy Xuân....

- Thương nghiệp

+ Người Kinh thường tổ chức các hình thức chợ làng, chợ huyện và cả chợ trong các khu phố, chợ đầu mối.

+ Các dân tộc vùng cao thường họp chợ phiên.

+ Cư dân Nam Bộ còn có hình thức họp chợ trên sông, hình thành các khu chợ nổi.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS giải các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Năm dân tộc có số dân đông nhất ở Việt Nam xếp lần lượt từ cao xuống thấp là

A. Kinh, Tày, Thái, Khơ-me, H'mông.

B. Kinh, Tày, Thái, Mường, H'mông.

C. Kinh, Tày, Thái, Mường, Nùng.

D. Kinh, Tày, Nùng, Mường, H'mông.

Câu 2: Hoạt động kinh tế chính của người Kinh và một số dân tộc thiểu số là gì?

A. Nông nghiệp.

B. Nông nghiệp trồng lúa nước.

C. Thủ công nghiệp.

D. Công nghiệp và dịch vụ.

Câu 3: Hoạt động sản xuất thủ công nghiệp của người Kinh có điểm gì khác so với các dân tộc thiểu số?

A. Người Kinh làm nhiều nghề thủ công khác nhau.

B. Nghề gốm, nghề rèn, đúc,... ra đời sớm nhưng ít phổ biến.

C. Tạo ra sản phẩm của các ngành nghề rất tinh xảo.

D. Sản phẩm rất đa dạng, nhiều sản phẩm được xuất khẩu với giá trị cao.

Câu 4: Địa bàn cư trú chủ yếu của người Kinh ở đâu?

- A. Phân bố đều trên khắp cả nước.
- B. Vùng đồng bằng.
- C. Vùng đồng bằng sông Hồng và sông cửu Long.
- D. Vùng đồng bằng và trung du.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	B	D	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Tìm hiểu thực tế địa phương/dân tộc của em và chỉ ra ít nhất một nét bản sắc văn hoá của địa phương hoặc cộng đồng dân tộc của em cần được bảo tồn và phát huy giá trị. Để thực hiện nhiệm vụ đó, em có đề xuất giải pháp gì?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 16: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (T2)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.
- Trình bày được khái niệm ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
- Nêu được nét chính về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: giáo dục niềm tự hào về sự phong phú, đa dạng trong thống nhất của văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm công dân, góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Đây là món ăn nào của người Việt và gắn liền với câu chuyện cổ tích nào?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

3. Hoạt động kinh tế, đời sống vật chất

a. Mục tiêu:

- Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Ăn, mặc, ở

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi:

? Trình bày một số nét chính về văn hóa **ĂN** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

? Kể tên một số món ăn của người miền Bắc, Trung Nam.

? Trình bày một số nét chính về văn hóa **MẶC** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

? Trình bày một số nét chính về văn hóa **Ở** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

? Trình bày một số nét chính về văn hóa **ĐI LẠI** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3.3 Ăn, mặc, ở

a. Ăn

- Người kinh ở miền Bắc: Cơm tẻ, nước chè.
- Người kinh ở miền Trung: Món ăn thường cay và mặn hơn.
- Người kinh ở miền Nam: thường có nhiều món hơi ngọt và ít cay.
- Các dân tộc ít người ở Tây Bắc: thường có xôi, ngô.
- Một số dân tộc ở Tây Nguyên: chủ yếu ăn cơm tẻ và không thể thiếu muối, ớt trong bữa ăn.
- Các dân tộc ở Tây Nguyên và Tây Bắc cũng thường uống rượu cần như một hình thức sinh hoạt chung.

b. Mặc

- Người Kinh thường mặc quần áo nâu, đi chân trần. Phụ nữ kinh thường mặc váy đen, yếm, áo cánh nâu, chít khăn mỏ quạ đen hoặc mặc áo Bà Ba.
- Trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số được đặc trưng bởi hoa văn, chất liệu hoặc màu sắc riêng.

c. Ở

- Nhà ở truyền thống của người Kinh ở các vùng đồng bằng, duyên hải thường là

nhà trệt.

- Các dân tộc thiểu số nhà phổ biến là nhà sàn và có một ngôi nhà chung làm nơi sinh hoạt.

d. Phương tiện đi lại

- Người Kinh trên đường bộ chủ yếu di chuyển bằng ngựa, xe ngựa; trên đường thủy có thuyền, bè, mảng, ghe, tàu...

- Các dân tộc thiểu số ở phía Bắc di chuyển bằng ngựa thồ, xe ngựa; trên sông suối di chuyển bằng mảng, bè. Các dân tộc Tây Nguyên di chuyển bằng voi, ngựa. Người Khơ-me ở Nam Bộ di chuyển chủ yếu bằng xe bò, xe lôi bánh gỗ...

- Trong xã hội hiện nay di chuyển bằng xe đạp, xe máy và ô tô, tàu hỏa, máy bay....

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS giải các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Nhà ở truyền thống của người Kinh là loại nhà nào?

- A. Nhà nhiều tầng.
- B. Nhà nửa sàn, nửa trệt.
- C. Nhà trệt xây bằng gạch hoặc đắp bằng đất.

Câu 2: Áo Bà ba là trang phục đặc trưng của vùng nào?

- A. Bắc Bộ
- B. Nam Bộ
- C. Trung Bộ

Câu 3: Xe ngựa, Ngựa thồ là phương tiện vận chuyển đi lại truyền thống của dân tộc thiểu số các tỉnh vùng nào?

- A. Nam
- B. Trung
- C. Bắc

Câu 4: Nhà Rông được coi là biểu tượng văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở

- A. Tây Nguyên

B. Tây Bắc

C. Tây Nam Bộ

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	B	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch và giới thiệu về một món ăn truyền thống của dân tộc thiểu số mà em chọn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

BÀI 16: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.
- Trình bày được khái niệm ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
- Nêu được nét chính về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: giáo dục niềm tự hào về sự phong phú, đa dạng trong thống nhất của văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm công dân, góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.

- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Đây là một trong những lễ hội lớn nhất và vô cùng thiêng liêng đối với cộng đồng người Chăm?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

4. Đời sống tinh thần

a. Mục tiêu:

- Trình bày được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi:

? Trình bày một số nét chính về văn hóa **TÍN NGƯỠNG** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

? Trình bày một số nét chính về **TÔN GIÁO** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

? Trình bày về **PHONG TỤC TẬP QUÁN** ở của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

? Trình bày về **NGHỆ THUẬT** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

GV cho HS Xem video và cho biết thể loại nghệ thuật dân gian nào đang được nhắc tới trong video?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

? Trình bày một số nét chính về văn hóa **TÍN NGƯỠNG** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

- Phong tục thờ cúng tổ tiên như một nét văn hóa, một tín ngưỡng trong truyền thống từ ngàn đời của người dân nước Việt.

- Thành Hoàng là người có công với dân, với nước, lập làng, dựng ấp hay sáng lập nên một nghề (ông tổ của nghề).

-Thờ cúng những anh hùng những người có công lao chính là để nhắc nhở con cháu, nhắc nhở những người trẻ tuổi về việc học tập và noi theo tấm gương của tổ tiên.

? Trình bày một số nét chính về **TÔN GIÁO** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

- Chùa Ấn Độ hay còn được gọi là chùa Mariamman, ngôi chùa này là một trong ba ngôi chùa sở hữu kiến trúc Hindu nhất nằm ở trung tâm Sài Gòn.

? Trình bày về **PHONG TỤC TẬP QUÁN** ở của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

- Phong tục tập quán truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được thể hiện trên các lĩnh vực của đời sống hằng ngày hoặc trong các dịp lễ.

? Trình bày về **NGHỆ THUẬT** của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

- Đờn ca tài tử là dòng nhạc dân tộc Việt Nam. Lời ca tiếng hát trong những làn điệu lý, Nam ai... mộc mạc, chân chất, bình dị như chính cốt cách khoáng đạt, giàu nhân nghĩa của người miền Tây Nam Bộ. Trải qua bao thời cuộc, đời người tiếng hát, tiếng đờn vẫn ngân vang, làm nên tình đất, tình người Nam Bộ.

? Nghệ thuật dân gian nào đang được nhắc tới trong video: Tuồng

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

4. Đời sống tinh thần

a. Tín ngưỡng

- Các tín ngưỡng phổ biến của người Kinh là thờ cúng tổ tiên, thờ người có công với cộng đồng, thờ Thành hoàng.....trong đó thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng quan trọng nhất.

- Ngoài thờ cúng tổ tiên, các dân tộc thiểu số còn thờ nhiều vị thần tự nhiên....

b. Tôn giáo

- Việt Nam có sự hiện diện nhiều tôn giáo lớn trên thế giới: Phật giáo, Đạo giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo, Công giáo....

4.2 Phong tục, tập quán, lễ hội

a. Phong tục, tập quán

- Phong tục tập quán truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được thể hiện trên các lĩnh vực của đời sống hằng ngày hoặc trong các dịp lễ.

- Các dân tộc thiểu số có phong tục tập, quán rất đa dạng.

b. Lễ hội

- Lễ hội là một nét văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

4.3 Nghệ thuật

- Các loại hình nghệ thuật biểu diễn của dân tộc Kinh rất đa dạng.

- Mỗi dân tộc thiểu số có những làn điệu, điệu múa, nhạc cụ riêng.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS giải các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Đờn ca tài tử là làn điệu của vùng nào ở nước ta?

A. Miền Bắc

B. Miền Trung

C. Miền Nam

Câu 2: Lễ hội Ok Om Bok là của dân tộc nào?

- A. Chăm
- B. Khơ-me
- C. Kinh

Câu 3: Tín ngưỡng truyền thống nào mà hầu hết các dân tộc Việt Nam đều thực hiện?

- A. Thờ cúng Thánh Gióng
- B. Thờ sinh thực khí
- C. Thờ cúng tổ tiên

Câu 4: Công chiêng là loại nhạc khi của các dân tộc thuộc khu vực nào sau đây ở Việt Nam?

- A. Tây Nguyên
- B. Tây Bắc
- C. Tây Nam Bộ

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	B	C	A

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Hãy chứng minh cho luận điểm sau đây: “Đời sống tinh thần của người Kinh và các dân tộc thiểu số Việt Nam đang ngày càng đa dạng và phong phú. Bên cạnh việc giữ gìn, phát huy những nét đẹp văn hoá truyền thống mang bản sắc dân tộc, người Kinh và cư dân các dân tộc thiểu số Việt Nam cũng không ngừng giao lưu,

tiếp thu và phát triển những giá trị, những thành tố văn hoá tiên tiến, phù hợp từ bên ngoài”.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 17: KHÔI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 10A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
- Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước – giữ nước và sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng..

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
- + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử
- + Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn và bảo vệ các di sản văn hóa dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIỀN TRÌNH DẠY -HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV đưa ra một quan điểm cho HS nêu ý kiến của mình

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công!”

? Em hiểu về quan điểm trên của chủ tịch Hồ Chí Minh như thế nào? Tại sao Người lại nhấn mạnh như vậy? Hãy lấy 1 vài ví dụ về sức mạnh đại đoàn kết trong lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha ta.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã sớm hình thành truyền thống yêu nước, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để vượt qua những khó khăn, thách thức của thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán..) và chống ngoại xâm. Khối đại đoàn kết dân tộc được xây dựng trên cơ sở nào? Có nội dung gì và giữ vai trò, tầm quan trọng như thế nào đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay? Bài học này sẽ giúp các em tìm hiểu.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

a. Mục tiêu: Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:

? Đọc thông tin, khai thác các tư liệu trong SGK, em hãy cho biết khái niệm đại đoàn kết dân tộc là gì?

? Em hãy cho biết khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt nam được hình thành dựa trên những cơ sở nào, được thể hiện ra sao trong các thời kì lịch sử?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trả lời câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

? Đọc thông tin, khai thác các tư liệu trong SGK, em hãy cho biết khái niệm đại đoàn kết dân tộc là gì?

- Đại đoàn kết dân tộc là di sản vô giá, truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

? Em hãy cho biết khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt nam được hình thành dựa trên những cơ sở nào, được thể hiện ra sao trong các thời kì lịch sử?

- Từ yêu cầu liên kết để trị thủy, làm thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và tập hợp lực lượng đấu tranh chống giặc ngoại xâm, khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam đã hình thành từ rất sớm – từ thời dựng nước Văn Lang – Âu Lạc.

- Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam ngày càng được củng cố qua cuộc đấu tranh bền bỉ trong hơn 1 000 năm chống lại sự thống trị, đồng hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc, giành lại gốc, tổ tiên của các dân tộc trên độc lập dân tộc. lãnh thổ Việt Nam

- Thời kì cổ – trung đại, các vương triều luôn coi trọng việc đoàn kết chặt chẽ giữa các tầng lớp nhân dân và sự hoà thuận trong nội bộ triều đình để tạo dựng sức mạnh đoàn kết chống ngoại xâm.

- Thời kì cận – hiện đại: Khôi đại đoàn kết dân tộc được hình thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Pháp và thời kì đổi mới.

- Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), khôi đại đoàn kết dân tộc được phát huy thông qua các hình thức mặt trận phù hợp với từng thời kì cách mạng.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Sự hình thành khôi đại đoàn kết dân tộc

a. Khái niệm

- Đại đoàn kết dân tộc là di sản vô giá, truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

b. Cơ sở

- Khôi đại đoàn kết dân tộc được hình thành trên cơ sở tình cảm gia đình và vì tình yêu quê hương đất nước.

- Quá trình đoàn kết trong cuộc đấu tranh xã hội, chống giặc ngoại xâm và chinh phục thiên nhiên đã tạo nên truyền thống yêu nước, đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Vai trò và tầm quan trọng của khôi đại đoàn kết

a. Mục tiêu: Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước – giữ nước và hiện nay.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Trong lịch sử dựng nước và giữ nước

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi:

? Trong quá trình dựng nước và giữ nước ở Việt Nam khôi đại đoàn kết có vai trò và tầm quan trọng như thế nào?

? Em hãy kể tên một số anh hùng thuộc cộng đồng dân tộc ít người trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm?

Nhiệm vụ 2: Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Phân tích vai trò và tầm quan trọng của khôi đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

? Bối cảnh thế giới và đất nước hiện nay tạo ra những thuận lợi và khó khăn gì cho việc củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc? Theo em trách nhiệm của một công dân trong việc giữ gìn và phát huy khối đại đoàn kết là gì?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trả lời câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

? Trong quá trình dựng nước và giữ nước ở Việt Nam khối đại đoàn kết có vai trò và tầm quan trọng như thế nào?

- Ngay khi mới ra đời: Ngay từ khi ra đời, người Việt cổ đã sớm tạo nên cộng đồng trong các hoạt động trị thủy, xây dựng các công trình cộng đồng, hình thành xóm làng...

- Trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm: Đại đoàn kết dân tộc tạo nên sức mạnh quyết định cho mọi thắng lợi bảo vệ vững chắc nền độc lập.

Quá trình dựng nước trên cơ sở đoàn kết để chinh phục thiên nhiên và nhu cầu chống giặc ngoại xâm đã nhanh chóng phát triển thành sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, trở thành truyền thống trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

- Trong thời bình: Đoàn kết dân tộc chính là nhân tố ổn định xã hội, tạo nền tảng xây dựng, phát triển đất nước.

? Em hãy kể tên một số anh hùng thuộc cộng đồng dân tộc ít người trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm?

- Bé Văn Đàn (Tày), Kim Đồng (Nùng), Nông Văn Việt (Tày)..

? Phân tích vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

- Đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công trong công cuộc xây dựng đất nước.

- Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc đã được Đảng ta kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới: khẳng định khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là sức mạnh nội sinh để phát triển đất nước

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết

2.1 Trong lịch sử dựng nước và giữ nước

- Ngay từ khi ra đời, người Việt cổ đã sớm tạo nên cộng đồng trong các hoạt động trị thủy, xây dựng các công trình cộng đồng, hình thành xóm làng...
- Trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm: Đại đoàn kết dân tộc tạo nên sức mạnh quyết định cho mọi thắng lợi bảo vệ vững chắc nền độc lập.
- Trong thời bình: Đoàn kết dân tộc chính là nhân tố ổn định xã hội, tạo nền tảng xây dựng, phát triển đất nước.

2.2 Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

- Đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công trong công cuộc xây dựng đất nước.
- Đoàn kết dân tộc là yếu tố khẳng định vị thế quốc gia trước những thách thức của thời đại mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS giải các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam phát triển đến đỉnh cao thông qua tổ chức nào?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam
- C. Quốc hội do nhân dân bầu ra.
- D. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam

Câu 2: Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành từ bao giờ?

- A. Từ thời kì đầu dựng nước Văn Lang - Âu Lạc.
- B. Trong cuộc đấu tranh hàng nghìn năm chống phong kiến phương Bắc.
- C. Trong kỉ nguyên phong kiến độc lập, từ thời Đinh đến thời Nguyễn.
- D. Trong phong trào đấu tranh chống thực dân, đế quốc

Câu 3: Noi theo lá cờ đại nghĩa của Hai Bà Trưng, nhân dân các quận, huyện nhất tề nổi dậy hưởng ứng “đánh phá các châu, quận” (Giao châu ngoại vực kĩ)... Khi Hai Bà Trưng “đánh hạ quận Giao Chỉ” thì người Man Lý ở Cửu

Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, cướp được 65 thành (Hậu Hán thư)...

Đoạn trích nói đến một trong những nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong lịch sử dân tộc là?

- A. Truyền thống yêu nước
- B. Truyền thống đoàn kết
- C. Lực lượng tham gia đông đảo
- D. Đường lối lãnh đạo đấu tranh đúng đắn.

Câu 4: Trong thời kì cận - hiện đại, đoàn kết dân tộc Việt Nam được phát huy cao độ thông qua

- A. các hình thức mặt trận
- B. kế thừa truyền thống của dân tộc.
- C. quá trình tiếp thu văn hoá bên ngoài
- D. hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	A	B	A

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Tìm kiếm thông tin, hãy cho biết một số câu nói/ viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa

BÀI 17: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (T2, 3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
- Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước – giữ nước và sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
- Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng..

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử
 - + Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: Trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn và bảo vệ các di sản văn hóa dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV đưa ra một vấn đề cho HS nêu ý kiến của mình

Trong tiến trình lịch sử, dân tộc Việt Nam đã kiên cường chiến đấu và chiến thắng nhiều kẻ thù hung bạo. Vậy sức mạnh nào đã giúp dân tộc Việt Nam làm nên những chiến công chói lọi đó cũng như đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước? Sức mạnh ấy đã được phát huy như thế nào trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

3. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

a. Mục tiêu: Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và nhà nước về chính sách dân tộc.

- Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:

? Đọc thông tin và tư liệu, hãy nêu và phân tích quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

? Nêu những điểm giống nhau trong các tư liệu 1 và 2. Điểm giống nhau đó thể hiện đặc điểm gì trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước?

TƯ LIỆU 1. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 khẳng định: "Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái, trai, giai cấp, tôn giáo".

(Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 6)

TƯ LIỆU 2. Điều 5, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2013, có đoạn: "Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc".

(Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 10 – 11)

? Nêu và phân tích các nguyên tắc cơ bản trong chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay?

Nhiệm vụ 2: Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi và trả lời câu hỏi:

? Thông qua sách, báo, truyền hình, internet hoặc quan sát thực tế ở địa phương, em hãy kể tên một số chương trình thể hiện nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trả lời câu hỏi

Dự kiến sản phẩm

? Đọc thông tin và tư liệu, hãy nêu và phân tích quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

Trong quan điểm, đường lối về chính sách dân tộc, Đảng và Nhà nước xác định các nguyên tắc cơ bản là bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau.

? Nêu những điểm giống nhau trong các tư liệu 1 và 2. Điểm giống nhau đó thể hiện đặc điểm gì trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước?

– Giống nhau:

+ Là những văn bản quan trọng của Nhà nước (Hiến pháp, văn kiện).

+ Điều đề cập đến quan điểm thống nhất của Đảng và Nhà nước về vấn đề đoàn kết dân tộc.

– Ý nghĩa:

+ Từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (năm 1946) cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta vẫn nhất quán quan điểm, khẳng định khối đại đoàn kết dân tộc và vai trò của đại đoàn kết trong sự nghiệp cách mạng và xây dựng, phát triển đất nước.

? Nêu và phân tích các nguyên tắc cơ bản trong chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay?

- Bình Đẳng

+ Các dân tộc Việt Nam, dù có sự khác nhau về số dân, trình độ phát triển, phong tục tập quán,... song đều có quyền ngang nhau.

+ Sự bình đẳng giữa các dân tộc được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và bảo đảm bằng hiến pháp và pháp luật.

- Đoàn Kết

+ Phát huy truyền thống đoàn kết trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

+ Tất cả các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều có trách nhiệm vun đắp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

- Tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

+ Các dân tộc tôn trọng , giúp nhau cùng phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

+ Các dân tộc có trình độ phát triển về kinh tế- xã hội sẽ giúp đỡ cho các dân tộc còn khó khăn để cùng vươn lên.

? Nêu và phân tích các nguyên tắc cơ bản trong chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay?

- Các dân tộc Việt Nam, dù có sự khác nhau về số dân, trình độ phát triển, phong tục tập quán,... song đều có quyền ngang nhau.

- Sự bình đẳng giữa các dân tộc được thực hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và bảo đảm bằng hiến pháp và pháp luật.

- Phát huy truyền thống đoàn kết trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

- Tất cả các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều có trách nhiệm vun đắp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

- Các dân tộc tôn trọng , giúp nhau cùng phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Các dân tộc có trình độ phát triển về kinh tế- xã hội sẽ giúp đỡ cho các dân tộc còn khó khăn để cùng vươn lên.

? Thông qua sách, báo, truyền hình, internet hoặc quan sát thực tế ở địa phương, em hãy kể tên một số chương trình thể hiện nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

- Trên lĩnh vực kinh tế, Đảng và Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế các vùng dân tộc và miền núi. Trong đó, các nguồn lực được huy động vào việc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào. Phát triển các ngành sản xuất phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng dân tộc. Có chính sách hỗ trợ đồng bào về đất đai, thuế và vay vốn để phát triển sản xuất. Hỗ trợ đồng bào mua giống cây trồng, phân bón, vật tư, gia súc, tập huấn nâng cao kiến thức sản xuất. Khuyến khích đồng bào các dân tộc khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để xây dựng đời sống mới ngày càng ấm no, hạnh phúc.

- Trên lĩnh vực văn hoá và xã hội, chính sách dân tộc tập trung vào công tác giáo dục – đào tạo, chăm sóc y tế, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, bệnh viện, trường học, các công trình văn hoá,... ở địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Trong công tác giáo dục – đào tạo, việc phổ cập giáo dục, dạy nghề, đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số được Đảng và Nhà nước đặc biệt chú trọng.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm đến chính sách dân tộc, coi đó là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay.

- Trong suốt quá trình phát triển, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính sách dân tộc là nhất quán theo nguyên tắc “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”.

3.2 Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

- Các chính sách phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các chính sách về phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục – đào tạo, y tế.

- Các chính sách về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS giải các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

- A. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết”.
- B. Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ nhau cùng phát triển.
- C. Đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển
- D. Nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

Câu 2. Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay là gì?

- A. Tính toàn diện.
- B. Tính tổng thể
- C. Tính hài hoà
- D. Có trọng điểm

Câu 3: Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là

- A. sách lược quan trọng cần được vận dụng linh hoạt trong từng bối cảnh cụ thể.
- B. đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.
- C. yếu tố góp phần vào sự thành công của cách mạng
- D. công việc cần phải quan tâm chú ý.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3
Đáp án	B	A	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều

nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1 cho HS:

Theo em, thế hệ trẻ Việt Nam cần làm gì để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa